ĐẠI HỌC HUẾ **TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM** Số: 3451/QĐ-ĐHSP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Thừa Thiên Huế, ngày 31 tháng 12 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành mục tiêu và chuẩn đầu ra các ngành đào tạo trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 30/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Đại học Huế;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 2196/BGDĐT-GDĐH ngày 22 tháng 4 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo;

Căn cứ Văn bản số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đại học đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1982/2016/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1389/QĐ-ĐHH ngày 10 tháng 7 năm 2014 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Huế, các trường đại học thành viên và đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Quyết định số 1789/QĐ-ĐHH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Giám đốc Đại học Huế về việc bổ nhiệm Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế nhiệm kỳ 2016-2021;

Căn cứ Quyết định số 900/QĐ-ĐHH ngày 23 tháng 8 năm 2017 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành Quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Đại học Huế;

Căn cứ Quyết định số 1795/QĐ-ĐHH ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và công bố chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ đại học tại Đại học Huế;

Căn cứ Quyết định số 980/QĐ-ĐHSP ngày 03/5/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế về việc ban hành Sứ mạng, Tầm nhìn, Giá trị cốt lõi, Mục tiêu giáo dục và trách nhiệm xã hội của Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng Khoa học & Đào tạo Trường về việc xây dựng chuẩn đầu ra các ngành đào tạo trình độ đại học;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng ĐTĐH&CTSV và Trưởng Phòng KT&ĐBCLGD

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này mục tiêu và chuẩn đầu ra các ngành đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng các khoa, phòng, các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

PGS.TS. Lê Anh Phương

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐTĐH&CTSV, KT&ĐBCLGD.

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3451/QĐ-ĐHSP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế)

1. Mục tiêu và Chuẩn đầu ra trình độ đại học ngành Giáo dục mầm non
2. Mục tiêu và chuẩn đầu ra trình độ đại học ngành Giáo dục tiểu học
3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra trình độ đại học ngành Giáo dục tiểu học (đào tạo bằng tiếng Anh)
4. Mục tiêu và chuẩn đầu ra trình độ đại học ngành Giáo dục công dân
5. Mục tiêu và chuẩn đầu ra trình độ đại học ngành Giáo dục chính trị
6. Mục tiêu và chuẩn đầu ra trình độ đại học ngành Giáo dục Pháp luật
7. Mục tiêu và chuẩn đầu ra trình độ đại học ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh
8. Mục tiêu và chuẩn đầu ra trình độ đại học ngành Sư phạm Toán học
9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra trình độ đại học ngành Sư phạm Toán học (đào tạo bằng tiếng Anh)
10. Mục tiêu và chuẩn đầu ra trình độ đại học ngành Sư phạm Tin học
11. Mục tiêu và chuẩn đầu ra trình độ đại học ngành Sư phạm Tin học (đào tạo bằng tiếng Anh)
12. Mục tiêu và chuẩn đầu ra trình độ đại học ngành Sư phạm Vật lý
13. Mục tiêu và chuẩn đầu ra trình độ đại học ngành Sư phạm Vật lý (đào tạo bằng tiếng Anh)
14. Mục tiêu và chuẩn đầu ra trình độ đại học ngành Sư phạm Hóa học
15. Mục tiêu và chuẩn đầu ra trình độ đại học ngành Sư phạm Hóa học (đào tạo bằng tiếng Anh)
16. Mục tiêu và chuẩn đầu ra trình độ đại học ngành Sư phạm Sinh học
17. Mục tiêu và chuẩn đầu ra trình độ đại học ngành Sư phạm Sinh học (đào tạo bằng tiếng Anh)
18. Mục tiêu và chuẩn đầu ra trình độ đại học ngành Sư phạm Ngữ văn
19. Mục tiêu và chuẩn đầu ra trình độ đại học ngành Sư phạm Lịch sử
20. Mục tiêu và chuẩn đầu ra trình độ đại học ngành Sư phạm Địa lý
21. Mục tiêu và chuẩn đầu ra trình độ đại học ngành Sư phạm Âm nhạc
22. Mục tiêu và chuẩn đầu ra trình độ đại học ngành Sư phạm Công nghệ
23. Mục tiêu và chuẩn đầu ra trình độ đại học ngành Sư phạm Khoa học tự nhiên
24. Mục tiêu và chuẩn đầu ra trình độ đại học ngành Sư phạm Lịch sử-Địa lý
25. Mục tiêu và chuẩn đầu ra trình độ đại học ngành Tâm lý học giáo dục
26. Mục tiêu và chuẩn đầu ra trình độ đại học ngành Hệ thống thông tin

(Danh sách này có 26 Mục tiêu và chuẩn đầu ra các ngành đào tạo)

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHUẨN ĐẦU RA

Ngành đào tạo: **Giáo dục Công dân**
(*Civic Education*)
Mã ngành: 7140204
Trình độ đào tạo: Đại học
Loại hình đào tạo: Chính quy

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3451 /QĐ-ĐHSP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế)

I. Chuẩn đầu ra về phẩm chất và năng lực

1. Phẩm chất nghề nghiệp

PLO1.1. Phẩm chất chính trị và trách nhiệm công dân

- Chấp hành tốt các chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách pháp luật của Nhà nước; các quy định của ngành giáo dục; các nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo.

- Tham gia tích cực, có hiệu quả các hoạt động chính trị xã hội tại cơ sở giáo dục và nơi cư trú.

- Vận động và cổ vũ lối sống lành mạnh; phê phán hành vi vi phạm đạo đức, vi phạm pháp luật.

PLO1.2. Đạo đức và phong cách nhà giáo

- Nhận thức đầy đủ và có hàng động đúng với những chuẩn mực đạo đức và tác phong nhà giáo.

- Đánh giá được những biểu hiện phù hợp/không phù hợp với đạo đức và tác phong của nhà giáo.

- Nỗ lực tự học, trau dồi kiến thức, kỹ năng và đạo đức nghề nghiệp.

2. Năng lực chung

PLO2.1. Năng lực tự học và thích ứng với sự thay đổi

- Thiết kế được kế hoạch tự học và thực hành được các kỹ năng tự học cần thiết để hoàn thiện bản thân.

- Phân tích được kinh nghiệm và sự hiểu biết của bản thân để thích ứng được với sự thay đổi trong hoạt động nghề nghiệp.

- Thể hiện được những cách thức làm việc đa dạng với những đối tượng người học khác nhau; xây dựng cộng đồng học tập.

PLO2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác

- Sử dụng thuần thục, hiệu quả tiếng Việt trong giao tiếp và hợp tác.

- Vận dụng được các phương pháp và kỹ thuật phù hợp trong giao tiếp và hợp tác.

- Đánh giá được hiệu quả hợp tác trong giải quyết các nhiệm vụ.

PLO2.3. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Phát hiện và giải quyết được các vấn đề trong học tập và cuộc sống.

- Đánh giá được cách thức giải quyết hiệu quả các vấn đề nảy sinh trong bối cảnh mới.

- Đưa ra được cách thức giải quyết mới, phù hợp với bối cảnh thực tiễn.

PLO2.4. Năng lực tư duy phản biện

- Nhận diện và phân tích được tính lôgic của một vấn đề.

- Đưa ra được lập luận và bằng chứng thuyết phục để bảo về ý kiến/quan điểm của mình trong thảo luận/tranh luận.

- Thống nhất được các cách lý giải khác nhau thành một kết luận có tính thuyết phục.

PLO2.5. Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong hoạt động nghề nghiệp

- Tuân thủ các quy định của pháp luật, các quy tắc về đạo đức, xã hội trong việc sử dụng CNTT và truyền thông.

- Đạt chuẩn công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Bộ GD&ĐT và Bộ CNTT. Sử dụng hiệu quả CNTT và truyền thông trong dạy học và nghiên cứu.

- Đạt chứng chỉ B1 (hoặc tương đương) về trình độ ngoại ngữ. Sử dụng được ngoại ngữ trong giao tiếp và học tập chuyên ngành.

PLO2.6. Năng lực khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác

- Thể hiện được hiểu biết của bản thân về lĩnh vực khởi nghiệp.

- Phân tích được thị trường lao động, đặc biệt là trong lĩnh vực giáo dục.

- Hình thành ý tưởng khởi nghiệp, dự đoán được những thuận lợi và khó khăn khi tiến hành khởi nghiệp.

3. Năng lực chuyên môn

PLO3.1. Năng lực đặc thù của khoa học chuyên ngành

- Hiểu biết được những kiến thức khoa học thuộc chuyên ngành Giáo dục Công dân.

- Liên hệ được kiến thức chuyên ngành Giáo dục Công dân với kiến thức môn học ở phổ thông.

- Vận dụng được kiến thức khoa học chuyên ngành trong giảng dạy và nghiên cứu.

PLO3.2. Năng lực phát triển chương trình môn học

- Hiểu rõ và thực hiện được phát triển chương trình môn học.

- Thiết kế được kế hoạch phát triển chương trình môn học.

- Đánh giá được những ưu và hạn chế của chương trình môn học và đề xuất được giải pháp.

PLO3.3. Năng lực vận dụng tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học chuyên ngành

- Vận dụng được những tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học chuyên ngành trong mối liên hệ với thực tiễn giáo dục phổ thông.

- Phân tích được những tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học chuyên ngành trong mối liên hệ với thực tiễn giáo dục phổ thông.

- Đánh giá được những tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học chuyên ngành trong mối liên hệ với thực tiễn giáo dục phổ thông.

PLO3.4. Năng lực nghiên cứu khoa học giáo dục chuyên ngành

- Phát hiện vấn đề nghiên cứu khoa học giáo dục chuyên ngành.
- Triển khai được vấn đề nghiên cứu khoa học giáo dục chuyên ngành.
- Đánh giá được vấn đề nghiên cứu khoa học giáo dục chuyên ngành và vận dụng được trong học tập.

4. Năng lực nghề nghiệp

PLO4.1. Năng lực dạy học và giáo dục

- Vận dụng được kiến thức khoa học chuyên ngành, lí luận dạy học và phương pháp dạy học và tài liệu giáo khoa vào việc xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.
- Vận dụng được các hình thức, phương pháp, công cụ kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.
- Xây dựng được môi trường giáo dục tích cực nhằm tạo động lực học tập, rèn luyện cho người học.

PLO4.2. Năng lực định hướng sự phát triển của người học

- Tiếp cận và hiểu được người học.
- Đánh giá được xu hướng phát triển của người học.
- Xây dựng được kế hoạch bồi dưỡng, tư vấn, hỗ trợ hướng đến sự phát triển toàn diện của người học.

PLO4.3. Năng lực phát triển nghề nghiệp

- Đánh giá và có kế hoạch phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của bản thân.
- Cập nhật kịp thời yêu cầu đổi mới về kiến thức chuyên môn và nghiệp vụ nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

PLO4.4. Năng lực hoạt động xã hội

- Tham gia và vận động được người khác tham gia tích cực các hoạt động xã hội.
- Tổ chức được các hoạt động xã hội trong trường học và cộng đồng.

II. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Làm giáo viên dạy môn GDCD ở trường THCS, môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật ở trường THPT, môn GDCT trong các trường trung cấp chuyên nghiệp.
- Làm giáo viên tổ chức, hướng dẫn các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, làm công tác chủ nhiệm lớp và các công tác khác ở trường phổ thông do Nhà trường giao.
- Làm chuyên viên ở các viện, trung tâm nghiên cứu và các cơ quan đảng, chính quyền, các đoàn thể hoặc tổ chức chính trị -xã hội.

III. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Tiếp tục học và nghiên cứu chuyên môn ở trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ đối với các môn khoa học Lý luận chính trị, Lý luận và phương pháp dạy học Giáo dục Chính trị, Lý luận và phương pháp dạy học Giáo dục công dân, Giáo dục học (Giáo dục Chính trị), Giáo dục học (Giáo dục công dân).
- Học đại học ngành thứ hai trong lĩnh vực khoa học xã hội: Giáo dục chính trị, Giáo dục Kinh tế và pháp luật.

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHUẨN ĐẦU RA

Ngành đào tạo: **Giáo dục Mầm non**
(*Pre-School Education*)
Mã ngành: 7140201
Trình độ đào tạo: Đại học
Loại hình đào tạo: Chính quy

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3451/QĐ-ĐHSP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế)

I. Chuẩn đầu ra về phẩm chất và năng lực

1. Phẩm chất nghề nghiệp

PLO1.1. Phẩm chất chính trị và trách nhiệm công dân

- Chấp hành tốt các chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách pháp luật của Nhà nước; các quy định của ngành Giáo dục; các nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo.
- Tham gia tích cực, có hiệu quả các hoạt động chính trị xã hội tại cơ sở giáo dục và nơi cư trú.
- Vận động và cổ vũ lối sống lành mạnh; phê phán hành vi vi phạm đạo đức, vi phạm pháp luật.

PLO1.2. Đạo đức và phong cách nhà giáo

- Nhận thức đầy đủ và có hàng động đúng với những chuẩn mực đạo đức và tác phong nhà giáo.
- Đánh giá được những biểu hiện phù hợp/không phù hợp với đạo đức và tác phong của nhà giáo.
- Nỗ lực tự học, trau dồi kiến thức, kỹ năng và đạo đức nghề nghiệp.

2. Năng lực chung

PLO2.1. Năng lực tự học và thích ứng với sự thay đổi

- Thiết kế được kế hoạch tự học và thực hành được các kỹ năng tự học cần thiết để hoàn thiện bản thân.
- Phân tích được kinh nghiệm và sự hiểu biết của bản thân để thích ứng được với sự thay đổi trong hoạt động nghề nghiệp.
- Thể hiện được những cách thức làm việc đa dạng với những đối tượng người học khác nhau; xây dựng cộng đồng học tập.

PLO2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác

- Sử dụng thuần thục, hiệu quả tiếng Việt trong giao tiếp và hợp tác.
- Vận dụng được các phương pháp và kỹ thuật phù hợp trong giao tiếp và hợp tác.
- Đánh giá được hiệu quả hợp tác trong giải quyết các nhiệm vụ.

PLO2.3. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Phát hiện và giải quyết được các vấn đề trong học tập và cuộc sống.

- Đánh giá được cách thức giải quyết hiệu quả các vấn đề nảy sinh trong bối cảnh mới.

- Đưa ra được cách thức giải quyết mới, phù hợp với bối cảnh thực tiễn.

PLO2.4. Năng lực tư duy phản biện

- Nhận diện và phân tích được tính lôgic của một vấn đề.

- Đưa ra được lập luận và bằng chứng thuyết phục để bảo về ý kiến/quan điểm của mình trong thảo luận/tranh luận.

- Thống nhất được các cách lý giải khác nhau thành một kết luận có tính thuyết phục.

PLO2.5. Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong hoạt động nghề nghiệp

- Tuân thủ các quy định của pháp luật, các quy tắc về đạo đức, xã hội trong việc sử dụng CNTT và truyền thông.

- Đạt chuẩn công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Bộ GD&ĐT và Bộ CNTT. Sử dụng hiệu quả CNTT và truyền thông trong dạy học và nghiên cứu.

- Đạt chứng chỉ B1 (hoặc tương đương) về trình độ ngoại ngữ. Sử dụng được ngoại ngữ trong giao tiếp và học tập chuyên ngành.

PLO2.6. Năng lực khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác

- Thể hiện được hiểu biết của bản thân về lĩnh vực khởi nghiệp.

- Phân tích được thị trường lao động, đặc biệt là trong lĩnh vực giáo dục.

- Hình thành ý tưởng khởi nghiệp, dự đoán được những thuận lợi và khó khăn khi tiến hành khởi nghiệp.

3. Năng lực chuyên môn

PLO3.1. Năng lực đặc thù của khoa học chuyên ngành

- Trình bày được những kiến thức khoa học về các mặt phát triển của trẻ mầm non

- Làm rõ mối liên hệ giữa kiến thức khoa học về các mặt phát triển của trẻ mầm non với nội dung nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ ở trường mầm non.

- Vận dụng được kiến thức khoa học về các mặt phát triển của trẻ mầm non trong tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục ở trường mầm non.

PLO3.2. Năng lực phát triển chương trình môn học

- Hiểu rõ và thực hiện được phát triển chương trình giáo dục mầm non.

- Thiết kế được kế hoạch phát triển chương trình giáo dục mầm non.

- Đánh giá được những ưu và hạn chế của chương trình giáo dục mầm non và đề xuất được giải pháp.

PLO3.3. Năng lực nghiên cứu khoa học giáo dục chuyên ngành

- Phát hiện vấn đề nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non

- Triển khai được vấn đề nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non.

- Đánh giá được vấn đề nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non và vận dụng được trong học tập.

4. Năng lực nghề nghiệp

PLO4.1. Năng lực nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non

- Xây dựng và thực hiện được kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em trên cơ sở phát triển Chương trình Giáo dục mầm non

- Vận dụng được kỹ năng quản lý nhóm/lớp, xây dựng môi trường an toàn, lành mạnh trong tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em

- Đánh giá được sự phát triển của trẻ hàng ngày và theo giai đoạn dựa trên mục tiêu nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục

- Phối hợp được với gia đình và cộng đồng trong nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em

PLO4.2. Năng lực định hướng sự phát triển của trẻ mầm non

- Áp dụng được các kỹ năng tìm hiểu trẻ và nhóm trẻ

- Đánh giá, phân loại được các nguyên nhân và yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển của trẻ. Suy luận được xu hướng phát triển của trẻ và nhóm trẻ

- Xây dựng được kế hoạch hỗ trợ trẻ và nhóm trẻ

PLO4.3. Năng lực phát triển nghề nghiệp

- Đánh giá và có kế hoạch phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của bản thân.

- Cập nhật kịp thời yêu cầu đổi mới về kiến thức chuyên môn và nghiệp vụ nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

PLO4.4. Năng lực hoạt động xã hội

- Tham gia và vận động được người khác tham gia tích cực các hoạt động xã hội.

- Tổ chức được các hoạt động xã hội trong trường học và cộng đồng.

II. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Giáo viên tại các cơ sở giáo dục mầm non, các trung tâm chăm sóc và giáo dục trẻ em dưới 6 tuổi

- Cán bộ quản lý bậc học mầm non tại các địa phương và nhà trường

- Giảng viên các trường sư phạm đào tạo giáo viên mầm non, cán bộ nghiên cứu giáo dục nói chung và giáo dục mầm non nói riêng tại các Viện, trung tâm nghiên cứu.

III. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Có khả năng học tập nâng cao lên trình độ sau đại học ngành Giáo dục học (Giáo dục Mầm non), quản lý giáo dục trong và ngoài nước.

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHUẨN ĐẦU RA

Ngành đào tạo: **Giáo dục Tiểu học**
(*Primary Education*)
Mã ngành: 7140202
Trình độ đào tạo: Đại học
Loại hình đào tạo: Chính quy

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3451 /QĐ-ĐHSP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế)

I. Chuẩn đầu ra về phẩm chất và năng lực

1. Phẩm chất nghề nghiệp

PLO1.1. Phẩm chất chính trị và trách nhiệm công dân

- Chấp hành tốt các chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách pháp luật của Nhà nước; các quy định của ngành Giáo dục; các nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo.
- Tham gia tích cực, có hiệu quả các hoạt động chính trị xã hội tại cơ sở giáo dục và nơi cư trú.
- Vận động và cổ vũ lối sống lành mạnh; phê phán hành vi vi phạm đạo đức, vi phạm pháp luật.

PLO1.2. Đạo đức và phong cách nhà giáo

- Nhận thức đầy đủ và có hàng động đúng với những chuẩn mực đạo đức và tác phong nhà giáo.
- Đánh giá được những biểu hiện phù hợp/không phù hợp với đạo đức và tác phong của nhà giáo.
- Nỗ lực tự học, trau dồi kiến thức, kỹ năng và đạo đức nghề nghiệp.

2. Năng lực chung

PLO2.1. Năng lực tự học và thích ứng với sự thay đổi

- Thiết kế được kế hoạch tự học và thực hành được các kỹ năng tự học cần thiết để hoàn thiện bản thân.
- Phân tích được kinh nghiệm và sự hiểu biết của bản thân để thích ứng được với sự thay đổi trong hoạt động nghề nghiệp.
- Thể hiện được những cách thức làm việc đa dạng với những đối tượng người học khác nhau; xây dựng cộng đồng học tập.

PLO2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác

- Sử dụng thuần thục, hiệu quả tiếng Việt trong giao tiếp và hợp tác.
- Vận dụng được các phương pháp và kỹ thuật phù hợp trong giao tiếp và hợp tác.
- Đánh giá được hiệu quả hợp tác trong giải quyết các nhiệm vụ.

PLO2.3. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Phát hiện và giải quyết được các vấn đề trong học tập và cuộc sống.
- Đánh giá được cách thức giải quyết hiệu quả các vấn đề nảy sinh trong bối cảnh mới.
- Đưa ra được cách thức giải quyết mới, phù hợp với bối cảnh thực tiễn.

PLO2.4. Năng lực tư duy phản biện

- Nhận diện và phân tích được tính lôgic của một vấn đề.
- Đưa ra được lập luận và bằng chứng thuyết phục để bảo về ý kiến/quan điểm của mình trong thảo luận/tranh luận.
- Thống nhất được các cách lý giải khác nhau thành một kết luận có tính thuyết phục.

PLO2.5. Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong hoạt động nghề nghiệp

- Tuân thủ các quy định của pháp luật, các quy tắc về đạo đức, xã hội trong việc sử dụng CNTT và truyền thông.
- Đạt chuẩn công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Bộ GD&ĐT và Bộ CNTT. Sử dụng hiệu quả CNTT và truyền thông trong dạy học và nghiên cứu.
- Đạt chứng chỉ B1 (hoặc tương đương) về trình độ ngoại ngữ. Sử dụng được ngoại ngữ trong giao tiếp và học tập chuyên ngành.

PLO2.6. Năng lực khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác

- Thể hiện được hiểu biết của bản thân về lĩnh vực khởi nghiệp.
- Phân tích được thị trường lao động, đặc biệt là trong lĩnh vực giáo dục.
- Hình thành ý tưởng khởi nghiệp, dự đoán được những thuận lợi và khó khăn khi tiến hành khởi nghiệp.

3. Năng lực chuyên môn

PLO3.1. Năng lực đặc thù của khoa học chuyên ngành Giáo dục tiểu học

- Trình bày được những kiến thức khoa học về các mặt phát triển của học sinh tiểu học
- Vận dụng được kiến thức khoa học chuyên ngành trong giảng dạy cho học sinh tiểu học

PLO3.2. Năng lực phân tích chương trình môn học ngành Giáo dục tiểu học

- Hiểu rõ và phân tích được phát triển chương trình giáo dục tiểu học.
- Thiết kế được kế hoạch phát triển chương trình giáo dục tiểu học.
- Đánh giá được những ưu và hạn chế của chương trình giáo dục tiểu học và đề xuất được giải pháp.

PLO3.3. Năng lực vận dụng tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học chuyên ngành Giáo dục tiểu học vào thực tiễn

- Phát hiện vấn đề nghiên cứu khoa học giáo dục tiểu học
- Triển khai được vấn đề nghiên cứu khoa học giáo dục tiểu học.
- Đánh giá được vấn đề nghiên cứu khoa học giáo dục tiểu học và vận dụng được trong học tập.

PLO3.4. Năng lực nghiên cứu khoa học giáo dục chuyên ngành Giáo dục tiểu học

- Phát hiện vấn đề nghiên cứu khoa học giáo dục chuyên ngành

- Triển khai được vấn đề nghiên cứu khoa học giáo dục chuyên ngành.

- Đánh giá được vấn đề nghiên cứu khoa học giáo dục chuyên ngành và vận dụng được trong học tập.

4. Năng lực nghề nghiệp

PLO4.1. Năng lực dạy học và giáo dục

- Vận dụng được kiến thức khoa học chuyên ngành, lí luận dạy học và phương pháp dạy học và tài liệu giáo khoa vào việc xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.

- Vận dụng được các hình thức, phương pháp, công cụ kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.

- Xây dựng được môi trường giáo dục tích cực nhằm tạo động lực học tập, rèn luyện cho người học.

PLO4.2. Năng lực định hướng sự phát triển của người học

- Tiếp cận và hiểu được người học.

- Đánh giá được xu hướng phát triển của người học.

- Xây dựng được kế hoạch bồi dưỡng, tư vấn, hỗ trợ hướng đến sự phát triển toàn diện của người học.

PLO4.3. Năng lực phát triển nghề nghiệp

- Đánh giá và có kế hoạch phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của bản thân.

- Cập nhật kịp thời yêu cầu đổi mới về kiến thức chuyên môn và nghiệp vụ nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

PLO4.4. Năng lực hoạt động xã hội

- Tham gia và vận động được người khác tham gia tích cực các hoạt động xã hội.

- Tổ chức được các hoạt động xã hội trong trường học và cộng đồng.

II. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Giáo viên giảng dạy ở trường tiểu học.

- Chuyên viên về lĩnh vực giáo dục tiểu học tại Vụ Giáo dục Tiểu học, các Sở, Phòng Giáo dục và Đào tạo; làm việc tại các cơ quan, tổ chức nghiên cứu và tư vấn phát triển Giáo dục Tiểu học thuộc khu vực miền Trung và Tây Nguyên.

- Cán bộ quản lí các cơ sở giáo dục tại các Phòng, Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học thuộc các lĩnh vực giáo dục học (Giáo dục Tiểu học).

III. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Người tốt nghiệp có thể tiếp tục học thạc sĩ và tiến sĩ chuyên ngành Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học) hoặc Quản lí Giáo dục trong và ngoài nước.

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHUẨN ĐẦU RA

Ngành đào tạo: **Giáo dục Chính trị**
(*Polictics Education*)
Mã ngành: 7140205
Trình độ đào tạo: Đại học
Loại hình đào tạo: Chính quy

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3451/QĐ-ĐHSP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế)

I. Chuẩn đầu ra về phẩm chất và năng lực

1. Phẩm chất nghề nghiệp

PLO1.1. Phẩm chất chính trị và trách nhiệm công dân

- Chấp hành tốt các chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách pháp luật của Nhà nước; các quy định của ngành giáo dục; các nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo.

- Tham gia tích cực, có hiệu quả các hoạt động chính trị xã hội tại cơ sở giáo dục và nơi cư trú.

- Vận động và cổ vũ lối sống lành mạnh; phê phán hành vi vi phạm đạo đức, vi phạm pháp luật.

PLO1.2. Đạo đức và phong cách nhà giáo

- Nhận thức đầy đủ và có hàng động đúng với những chuẩn mực đạo đức và tác phong nhà giáo.

- Đánh giá được những biểu hiện phù hợp/không phù hợp với đạo đức và tác phong của nhà giáo.

- Nỗ lực tự học, trau dồi kiến thức, kỹ năng và đạo đức nghề nghiệp.

2. Năng lực chung

PLO2.1. Năng lực tự học và thích ứng với sự thay đổi

- Thiết kế được kế hoạch tự học và thực hành được các kỹ năng tự học cần thiết để hoàn thiện bản thân.

- Phân tích được kinh nghiệm và sự hiểu biết của bản thân để thích ứng được với sự thay đổi trong hoạt động nghề nghiệp.

- Thể hiện được những cách thức làm việc đa dạng với những đối tượng người học khác nhau; xây dựng cộng đồng học tập.

PLO2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác

- Sử dụng thuần thục, hiệu quả tiếng Việt trong giao tiếp và hợp tác.

- Vận dụng được các phương pháp và kỹ thuật phù hợp trong giao tiếp và hợp tác.

- Đánh giá được hiệu quả hợp tác trong giải quyết các nhiệm vụ.

PLO2.3. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Phát hiện và giải quyết được các vấn đề trong học tập và cuộc sống.
- Đánh giá được cách thức giải quyết hiệu quả các vấn đề nảy sinh trong bối cảnh mới.
- Đưa ra được cách thức giải quyết mới, phù hợp với bối cảnh thực tiễn.

PLO2.4. Năng lực tư duy phản biện

- Nhận diện và phân tích được tính lôgic của một vấn đề.
- Đưa ra được lập luận và bằng chứng thuyết phục để bảo về ý kiến/quan điểm của mình trong thảo luận/tranh luận.
- Thống nhất được các cách lý giải khác nhau thành một kết luận có tính thuyết phục.

PLO2.5. Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong hoạt động nghề nghiệp

- Tuân thủ các quy định của pháp luật, các quy tắc về đạo đức, xã hội trong việc sử dụng CNTT và truyền thông.
- Đạt chuẩn công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Bộ GD&ĐT và Bộ CNTT. Sử dụng hiệu quả CNTT và truyền thông trong dạy học và nghiên cứu.
- Đạt chứng chỉ B1 (hoặc tương đương) về trình độ ngoại ngữ. Sử dụng được ngoại ngữ trong giao tiếp và học tập chuyên ngành.

PLO2.6. Năng lực khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác

- Thể hiện được hiểu biết của bản thân về lĩnh vực khởi nghiệp.
- Phân tích được thị trường lao động, đặc biệt là trong lĩnh vực giáo dục.
- Hình thành ý tưởng khởi nghiệp, dự đoán được những thuận lợi và khó khăn khi tiến hành khởi nghiệp.

3. Năng lực chuyên môn

PLO3.1. Năng lực đặc thù của khoa học chuyên ngành

- Hiểu biết được những kiến thức khoa học thuộc chuyên ngành Giáo dục Chính trị.
- Liên hệ được kiến thức chuyên ngành Giáo dục Chính trị với kiến thức môn học ở phổ thông.
- Vận dụng được kiến thức khoa học chuyên ngành trong giảng dạy và nghiên cứu.

PLO3.2. Năng lực phát triển chương trình môn học

- Hiểu rõ và thực hiện được phát triển chương trình môn học.
- Thiết kế được kế hoạch phát triển chương trình môn học.
- Đánh giá được những ưu và hạn chế của chương trình môn học và đề xuất được giải pháp.

PLO3.3. Năng lực vận dụng tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học chuyên ngành

- Vận dụng được những tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học chuyên ngành trong mối liên hệ với thực tiễn giáo dục phổ thông.
- Phân tích được những tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học chuyên ngành trong mối liên hệ với thực tiễn giáo dục phổ thông.
- Đánh giá được những tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học chuyên ngành trong mối liên hệ với thực tiễn giáo dục phổ thông.

PLO3.4. Năng lực nghiên cứu khoa học giáo dục chuyên ngành

- Phát hiện vấn đề nghiên cứu khoa học giáo dục chuyên ngành.
- Triển khai được vấn đề nghiên cứu khoa học giáo dục chuyên ngành.
- Đánh giá được vấn đề nghiên cứu khoa học giáo dục chuyên ngành và vận dụng được trong học tập.

4. Năng lực nghề nghiệp

PLO4.1. Năng lực dạy học và giáo dục

- Vận dụng được kiến thức khoa học chuyên ngành, lí luận dạy học và phương pháp dạy học và tài liệu giáo khoa vào việc xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.
- Vận dụng được các hình thức, phương pháp, công cụ kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.
- Xây dựng được môi trường giáo dục tích cực nhằm tạo động lực học tập, rèn luyện cho người học.

PLO4.2. Năng lực định hướng sự phát triển của người học

- Tiếp cận và hiểu được người học.
- Đánh giá được xu hướng phát triển của người học.
- Xây dựng được kế hoạch bồi dưỡng, tư vấn, hỗ trợ hướng đến sự phát triển toàn diện của người học.

PLO4.3. Năng lực phát triển nghề nghiệp

- Đánh giá và có kế hoạch phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của bản thân.
- Cập nhật kịp thời yêu cầu đổi mới về kiến thức chuyên môn và nghiệp vụ nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

PLO4.4. Năng lực hoạt động xã hội

- Tham gia và vận động được người khác tham gia tích cực các hoạt động xã hội.
- Tổ chức được các hoạt động xã hội trong trường học và cộng đồng.

II. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Giảng dạy các môn LLCT trong các trường đại học, cao đẳng; các trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp quận/huyện/thành phố trực thuộc tỉnh; các trường chính trị trực thuộc tỉnh hoặc Trung ương.
- Giảng dạy môn GDCT trong các trường trung cấp chuyên nghiệp.
- Giảng dạy môn GDCD ở trường THCS và môn Công dân với Tổ quốc ở trường THPT.
- Tổ chức, hướng dẫn các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, làm công tác chủ nhiệm lớp và các công tác khác ở trường phổ thông do Nhà trường giao.
- Làm việc ở các viện, trung tâm nghiên cứu và các cơ quan đảng, chính quyền, các đoàn thể hoặc tổ chức chính trị - xã hội.

III. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Có đủ khả năng tiếp tục phát triển chuyên môn ở trình độ Thạc sĩ và Tiến sĩ các ngành khoa học Mác - Lênin, Triết học, Kinh tế Chính trị, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Chính trị học, Hồ Chí Minh học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHUẨN ĐẦU RA

Ngành đào tạo: **Giáo dục Quốc phòng - An ninh**
(*National Defence and Security Education*)
Mã ngành: 7140208
Trình độ đào tạo: Đại học
Loại hình đào tạo: Chính quy

(Ban hành kèm theo Quyết định số 341 /QĐ-ĐHSP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế)

I. Chuẩn đầu ra về phẩm chất và năng lực

1. Phẩm chất nghề nghiệp

PLO1.1. Phẩm chất chính trị và trách nhiệm công dân

- Chấp hành tốt các chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách pháp luật của Nhà nước; các quy định của ngành giáo dục; các nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo.
- Tham gia tích cực, có hiệu quả các hoạt động chính trị xã hội tại cơ sở giáo dục và nơi cư trú.
- Vận động và cổ vũ lối sống lành mạnh; phê phán hành vi vi phạm đạo đức, vi phạm pháp luật.

PLO1.2. Đạo đức và phong cách nhà giáo

- Nhận thức đầy đủ và có hàng động đúng với những chuẩn mực đạo đức và tác phong nhà giáo.
- Đánh giá được những biểu hiện phù hợp/không phù hợp với đạo đức và tác phong của nhà giáo.
- Nỗ lực tự học, trau dồi kiến thức, kỹ năng và đạo đức nghề nghiệp.

2. Năng lực chung

PLO2.1. Năng lực tự học và thích ứng với sự thay đổi

- Thiết kế được kế hoạch tự học và thực hành được các kỹ năng tự học cần thiết để hoàn thiện bản thân.
- Phân tích được kinh nghiệm và sự hiểu biết của bản thân để thích ứng được với sự thay đổi trong hoạt động nghề nghiệp.
- Thể hiện được những cách thức làm việc đa dạng với những đối tượng người học khác nhau; xây dựng cộng đồng học tập.

PLO2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác

- Sử dụng thuần thục, hiệu quả tiếng Việt trong giao tiếp và hợp tác.
- Vận dụng được các phương pháp và kỹ thuật phù hợp trong giao tiếp và hợp tác.
- Đánh giá được hiệu quả hợp tác trong giải quyết các nhiệm vụ.

PLO2.3. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Phát hiện và giải quyết được các vấn đề trong học tập và cuộc sống.
- Đánh giá được cách thức giải quyết hiệu quả các vấn đề nảy sinh trong bối cảnh mới.
- Đưa ra được cách thức giải quyết mới, phù hợp với bối cảnh thực tiễn.

PLO2.4. Năng lực tư duy phản biện

- Nhận diện và phân tích được tính lôgic của một vấn đề.
- Đưa ra được lập luận và bằng chứng thuyết phục để bảo về ý kiến/quan điểm của mình trong thảo luận/tranh luận.
- Thống nhất được các cách lý giải khác nhau thành một kết luận có tính thuyết phục.

PLO2.5. Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong hoạt động nghề nghiệp

- Tuân thủ các quy định của pháp luật, các quy tắc về đạo đức, xã hội trong việc sử dụng CNTT và truyền thông.
- Đạt chuẩn công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Bộ GD&ĐT và Bộ CNTT. Sử dụng hiệu quả CNTT và truyền thông trong dạy học và nghiên cứu.
- Đạt chứng chỉ B1 (hoặc tương đương) về trình độ ngoại ngữ. Sử dụng được ngoại ngữ trong giao tiếp và học tập chuyên ngành.

PLO2.6. Năng lực khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác

- Thể hiện được hiểu biết của bản thân về lĩnh vực khởi nghiệp.
- Phân tích được thị trường lao động, đặc biệt là trong lĩnh vực giáo dục.
- Hình thành ý tưởng khởi nghiệp, dự đoán được những thuận lợi và khó khăn khi tiến hành khởi nghiệp.

3. Năng lực chuyên môn

PLO3.1. Năng lực đặc thù của khoa học chuyên ngành

- Hiểu biết được những kiến thức khoa học thuộc chuyên ngành LLCT, GD QP-AN và GDCD.
- Liên hệ được kiến thức chuyên ngành LLCT, GD QP-AN và GDCD với kiến thức môn học ở phổ thông.
- Vận dụng được kiến thức khoa học chuyên ngành trong giảng dạy và nghiên cứu.

PLO3.2. Năng lực phát triển chương trình môn học

- Hiểu rõ và thực hiện được phát triển chương trình môn học.
- Thiết kế được kế hoạch phát triển chương trình môn học.
- Đánh giá được những ưu và hạn chế của chương trình môn học và đề xuất được giải pháp.

PLO3.3. Năng lực vận dụng tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học chuyên ngành

- Vận dụng được những tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học chuyên ngành trong mối liên hệ với thực tiễn giáo dục phổ thông.
- Phân tích được những tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học chuyên ngành trong mối liên hệ với thực tiễn giáo dục phổ thông.
- Đánh giá được những tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học chuyên ngành trong mối liên hệ với thực tiễn giáo dục phổ thông.

PLO3.4. Năng lực nghiên cứu khoa học giáo dục chuyên ngành

- Phát hiện vấn đề nghiên cứu khoa học giáo dục chuyên ngành.
- Triển khai được vấn đề nghiên cứu khoa học giáo dục chuyên ngành.
- Đánh giá được vấn đề nghiên cứu khoa học giáo dục chuyên ngành và vận dụng được trong học tập.

4. Năng lực nghề nghiệp

PLO4.1. Năng lực dạy học và giáo dục

- Vận dụng được kiến thức khoa học chuyên ngành, lí luận dạy học và phương pháp dạy học và tài liệu giáo khoa vào việc xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.
- Vận dụng được các hình thức, phương pháp, công cụ kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.
- Xây dựng được môi trường giáo dục tích cực nhằm tạo động lực học tập, rèn luyện cho người học.

PLO4.2. Năng lực định hướng sự phát triển của người học

- Tiếp cận và hiểu được người học.
- Đánh giá được xu hướng phát triển của người học.
- Xây dựng được kế hoạch bồi dưỡng, tư vấn, hỗ trợ hướng đến sự phát triển toàn diện của người học.

PLO4.3. Năng lực phát triển nghề nghiệp

- Đánh giá và có kế hoạch phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của bản thân.
- Cập nhật kịp thời yêu cầu đổi mới về kiến thức chuyên môn và nghiệp vụ nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

PLO4.4. Năng lực hoạt động xã hội

- Tham gia và vận động được người khác tham gia tích cực các hoạt động xã hội.
- Tổ chức được các hoạt động xã hội trong trường học và cộng đồng.

II. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Giảng dạy các môn LLCT trong các trường đại học, cao đẳng; các trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp quận/huyện/thành phố trực thuộc tỉnh; các trường chính trị trực thuộc tỉnh hoặc Trung ương.
- Giảng dạy môn GDCT trong các trường trung cấp chuyên nghiệp.
- Giảng dạy môn GDCD ở trường THCS, môn QP - AN và môn GD KT-PL ở trường THPT.
- Tổ chức, hướng dẫn các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, làm công tác chủ nhiệm lớp và các công tác khác ở trường phổ thông do Nhà trường giao.
- Làm việc ở các viện, trung tâm nghiên cứu và các cơ quan đảng, chính quyền, các đoàn thể hoặc tổ chức chính trị - xã hội.

III. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Có khả năng học tập lên các bậc cao hơn.
- Có khả năng tự học, tự nghiên cứu để không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm.

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHUẨN ĐẦU RA

Ngành đào tạo: **Sư phạm Toán học**
(*Mathematics Teacher Education*)
Mã ngành: 7140209
Trình độ đào tạo: Đại học
Loại hình đào tạo: Chính quy

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3451/QĐ-ĐHSP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế)

I. Chuẩn đầu ra về phẩm chất và năng lực

1. Phẩm chất nghề nghiệp

PLO1.1. Phẩm chất chính trị và trách nhiệm công dân

+ Chấp hành tốt các chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách pháp luật của Nhà nước; các quy định của ngành Giáo dục; các nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo.

+ Tham gia tích cực, có hiệu quả các hoạt động chính trị xã hội tại cơ sở giáo dục và nơi cư trú.

+ Vận động và cổ vũ lối sống lành mạnh; phê phán hành vi vi phạm đạo đức, vi phạm pháp luật.

PLO1.2. Đạo đức và phong cách nhà giáo

+ Nhận thức đầy đủ và có hàng động đúng với những chuẩn mực đạo đức và tác phong nhà giáo.

+ Đánh giá được những biểu hiện phù hợp/không phù hợp với đạo đức và tác phong của nhà giáo

+ Nỗ lực tự học, trau dồi kiến thức, kỹ năng và đạo đức nghề nghiệp.

2. Năng lực chung

PLO2.1. Năng lực tự học và thích ứng với sự thay đổi hoạt động nghề nghiệp

+ Thiết kế được kế hoạch tự học và thực hành được các kỹ năng tự học cần thiết để hoàn thiện bản thân.

+ Phân tích được kinh nghiệm và sự hiểu biết của bản thân để thích ứng được với sự thay đổi trong hoạt động nghề nghiệp.

+ Thể hiện được những cách thức làm việc đa dạng với những đối tượng người học khác nhau; xây dựng cộng đồng học tập.

PLO2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác

+ Sử dụng thuần thục, hiệu quả tiếng Việt trong giao tiếp và hợp tác.

+ Vận dụng được các phương pháp và kỹ thuật phù hợp trong giao tiếp và hợp tác.

+ Đánh giá được hiệu quả hợp tác trong giải quyết các nhiệm vụ.

PLO2.3. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

+ Phát hiện và giải quyết được các vấn đề trong học tập và cuộc sống.

+ Đánh giá được cách thức giải quyết hiệu quả các vấn đề nảy sinh trong bối cảnh mới.

+ Đưa ra được cách thức giải quyết mới, phù hợp với bối cảnh thực tiễn.

PLO2.4. Năng lực tư duy phản biện

+ Nhận diện và phân tích được tính lôgic của một vấn đề.

+ Đưa ra được lập luận và bằng chứng thuyết phục để bảo về ý kiến/quan điểm của mình trong thảo luận/tranh luận.

+ Thống nhất được các cách lý giải khác nhau thành một kết luận có tính thuyết phục.

PLO2.5. Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong hoạt động nghề nghiệp

+ Tuân thủ các quy định của pháp luật, các quy tắc về đạo đức, xã hội trong việc sử dụng CNTT và truyền thông.

+ Đạt chuẩn CNTT cơ bản theo quy định của Bộ GD&ĐT và Bộ TT&TT. Sử dụng hiệu quả CNTT và truyền thông trong dạy học và nghiên cứu.

+ Đạt chứng chỉ B1 (hoặc tương đương) về trình độ ngoại ngữ. Sử dụng được ngoại ngữ trong giao tiếp và học tập chuyên ngành.

PLO2.6. Năng lực khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác

+ Thể hiện được hiểu biết của bản thân về lĩnh vực khởi nghiệp.

+ Phân tích được thị trường lao động, đặc biệt là trong lĩnh vực giáo dục.

+ Hình thành ý tưởng khởi nghiệp, dự đoán được những thuận lợi và khó khăn khi tiến hành khởi nghiệp.

3. Năng lực chuyên môn

PLO3.1. Năng lực toán học

+ Thể hiện được hiểu biết và kỹ năng nền tảng liên quan đến các lĩnh vực đại số, giải tích, hình học, toán ứng dụng, toán sơ cấp.

+ Liên hệ được kiến thức toán cao cấp với kiến thức môn Toán ở phổ thông.

+ Vận dụng được kiến thức toán học trong dạy học và nghiên cứu.

PLO3.2. Năng lực phát triển chương trình môn học

+ Hiểu rõ và thực hiện được phát triển chương trình môn Toán phổ thông

+ Thiết kế được kế hoạch phát triển chương trình môn Toán phổ thông

+ Đánh giá được những ưu điểm và hạn chế của chương trình môn Toán phổ thông.

PLO3.3. Năng lực vận dụng tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học toán học

+ Vận dụng được những tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học toán học trong mối liên hệ với thực tiễn giáo dục toán học phổ thông.

+ Phân tích được những tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học toán học trong mối liên hệ với thực tiễn giáo dục toán học phổ thông.

+ Đánh giá được những tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học toán học trong mối liên hệ với thực tiễn giáo dục toán học phổ thông.

PLO3.4. Năng lực nghiên cứu khoa học giáo dục toán

+ Đặt ra được vấn đề nghiên cứu trong khoa học giáo dục toán

+ Triển khai được vấn đề nghiên cứu trong khoa học giáo dục toán

+ Đánh giá được vấn đề nghiên cứu trong khoa học giáo dục toán và vận dụng được trong dạy học.

4. Năng lực nghề nghiệp

PLO4.1. Năng lực dạy học và giáo dục

+ Vận dụng được kiến thức khoa học chuyên ngành, lí luận dạy học và phương pháp dạy học và tài liệu giáo khoa vào việc xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.

+ Vận dụng được các hình thức, phương pháp, công cụ kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.

+ Xây dựng được môi trường giáo dục tích cực nhằm tạo động lực học tập, rèn luyện cho người học.

PLO4.2. Năng lực định hướng sự phát triển của người học

+ Tiếp cận và hiểu được người học.

+ Đánh giá được xu hướng phát triển của người học.

+ Xây dựng được kế hoạch bồi dưỡng, tư vấn, hỗ trợ hướng đến sự phát triển toàn diện của người học.

PLO4.3. Năng lực phát triển nghề nghiệp

+ Đánh giá và có kế hoạch phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của bản thân.

+ Cập nhật kịp thời yêu cầu đổi mới về kiến thức chuyên môn và nghiệp vụ nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

PLO4.4. Năng lực hoạt động xã hội

+ Tham gia và vận động được người khác tham gia tích cực các hoạt động xã hội.

+ Tổ chức được các hoạt động xã hội trong trường học và cộng đồng.

II. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Giảng dạy toán ở các trường phổ thông (trung học cơ sở và trung học phổ thông)
- Làm việc cho một số doanh nghiệp liên quan đến tư duy toán học và ứng dụng toán học
- Giảng viên ở các trường cao đẳng, đại học.
- Cán bộ nghiên cứu toán ở các viện, cơ quan.
- Chuyên viên, cán bộ quản lý ở các sở, ban, ngành.
- Một số công việc khác có sử dụng kiến thức toán học.

III. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Người tốt nghiệp có thể học tập nâng cao trình độ ở bậc Thạc sỹ, Tiến sỹ các chuyên ngành liên quan đến Toán học và Giáo dục toán học ở trong và ngoài nước.

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHUẨN ĐẦU RA

Ngành đào tạo: **Sư phạm Tin học**
(*Informatics Teacher Education*)
Mã ngành: 7140210
Trình độ đào tạo: Đại học
Loại hình đào tạo: Chính quy

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3451 /QĐ-ĐHSP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế)

I. Chuẩn đầu ra về phẩm chất và năng lực

1. Phẩm chất nghề nghiệp

PLO1.1. Phẩm chất chính trị và trách nhiệm công dân

+ Chấp hành tốt các chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách pháp luật của Nhà nước; các quy định của ngành Giáo dục; các nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo.

+ Tham gia tích cực, có hiệu quả các hoạt động chính trị xã hội tại cơ sở giáo dục và nơi cư trú.

+ Vận động và cổ vũ lối sống lành mạnh; phê phán hành vi vi phạm đạo đức, vi phạm pháp luật.

PLO1.2. Đạo đức và phong cách nhà giáo

+ Nhận thức đầy đủ và có hàng động đúng với những chuẩn mực đạo đức và tác phong nhà giáo.

+ Đánh giá được những biểu hiện phù hợp/không phù hợp với đạo đức và tác phong của nhà giáo

+ Nỗ lực tự học, trau dồi kiến thức, kỹ năng và đạo đức nghề nghiệp.

2. Năng lực chung

PLO2.1. Năng lực tự học và thích ứng với sự thay đổi hoạt động nghề nghiệp

+ Thiết kế được kế hoạch tự học và thực hành được các kỹ năng tự học cần thiết để hoàn thiện bản thân.

+ Phân tích được kinh nghiệm và sự hiểu biết của bản thân để thích ứng được với sự thay đổi trong hoạt động nghề nghiệp.

+ Thể hiện được những cách thức làm việc đa dạng với những đối tượng người học khác nhau; xây dựng cộng đồng học tập.

PLO2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác

+ Sử dụng thuần thục, hiệu quả tiếng Việt trong giao tiếp và hợp tác.

+ Vận dụng được các phương pháp và kỹ thuật phù hợp trong giao tiếp và hợp tác.

+ Đánh giá được hiệu quả hợp tác trong giải quyết các nhiệm vụ.

PLO2.3. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

+ Phát hiện và giải quyết được các vấn đề trong học tập và cuộc sống.

+ Đánh giá được cách thức giải quyết hiệu quả các vấn đề nảy sinh trong bối cảnh mới.

+ Đưa ra được cách thức giải quyết mới, phù hợp với bối cảnh thực tiễn.

PLO2.4. Năng lực tư duy phản biện

+ Nhận diện và phân tích được tính lôgic của một vấn đề.

+ Đưa ra được lập luận và bằng chứng thuyết phục để bảo về ý kiến/quan điểm của mình trong thảo luận/tranh luận.

+ Thống nhất được các cách lý giải khác nhau thành một kết luận có tính thuyết phục.

PLO2.5. Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong hoạt động nghề nghiệp

+ Tuân thủ các quy định của pháp luật, các quy tắc về đạo đức, xã hội trong việc sử dụng CNTT và truyền thông.

+ Đạt chuẩn CNTT cơ bản theo quy định của Bộ GD&ĐT và Bộ TT&TT. Sử dụng hiệu quả CNTT và truyền thông trong dạy học và nghiên cứu.

+ Đạt chứng chỉ B1 (hoặc tương đương) về trình độ ngoại ngữ. Sử dụng được ngoại ngữ trong giao tiếp và học tập chuyên ngành.

PLO2.6. Năng lực khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác

+ Thể hiện được hiểu biết của bản thân về lĩnh vực khởi nghiệp.

+ Phân tích được thị trường lao động, đặc biệt là trong lĩnh vực giáo dục.

+ Hình thành ý tưởng khởi nghiệp, dự đoán được những thuận lợi và khó khăn khi tiến hành khởi nghiệp.

3. Năng lực chuyên môn

PLO3.1. Năng lực đặc thù của khoa học chuyên ngành

+ Hiểu được những kiến thức khoa học thuộc chuyên ngành.

+ Liên hệ được kiến thức chuyên ngành Tin học với kiến thức môn học ở phổ thông.

+ Vận dụng được kiến thức khoa học chuyên ngành trong giảng dạy và nghiên cứu.

PLO3.2. Năng lực phát triển chương trình môn học

+ Hiểu được và vận dụng được trong việc phát triển chương trình môn học.

+ Thiết kế được kế hoạch phát triển chương trình môn học.

+ Đánh giá được những ưu và hạn chế của chương trình môn học và đề xuất được giải pháp.

PLO3.3. Năng lực vận dụng tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học chuyên ngành

+ Vận dụng được những tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học chuyên ngành trong mối liên hệ với thực tiễn giáo dục phổ thông.

+ Phân tích được những tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học chuyên ngành trong mối liên hệ với thực tiễn giáo dục phổ thông.

+ Đánh giá được những tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học chuyên ngành trong mối liên hệ với thực tiễn giáo dục phổ thông.

PLO3.4. Năng lực nghiên cứu khoa học giáo dục chuyên ngành

+ Phát hiện vấn đề nghiên cứu khoa học giáo dục chuyên ngành

+ Triển khai được vấn đề nghiên cứu khoa học giáo dục chuyên ngành,

+ Đánh giá được vấn đề nghiên cứu khoa học giáo dục chuyên ngành và vận dụng được trong học tập.

4. Năng lực nghề nghiệp

PLO4.1. Năng lực dạy học và giáo dục

+ Vận dụng được kiến thức khoa học chuyên ngành, lí luận dạy học và phương pháp dạy học và tài liệu giáo khoa vào việc xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.

+ Vận dụng được các hình thức, phương pháp, công cụ kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.

+ Xây dựng được môi trường giáo dục tích cực nhằm tạo động lực học tập, rèn luyện cho người học.

PLO4.2. Năng lực định hướng sự phát triển của người học

+ Tiếp cận và hiểu được người học.

+ Đánh giá được xu hướng phát triển của người học.

+ Xây dựng được kế hoạch bồi dưỡng, tư vấn, hỗ trợ hướng đến sự phát triển toàn diện của người học.

PLO4.3. Năng lực phát triển nghề nghiệp

+ Đánh giá và có kế hoạch phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của bản thân.

+ Cập nhật kịp thời yêu cầu đổi mới về kiến thức chuyên môn và nghiệp vụ nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

PLO4.4. Năng lực hoạt động xã hội

+ Tham gia và vận động được người khác tham gia tích cực các hoạt động xã hội.

+ Tổ chức được các hoạt động xã hội trong trường học và cộng đồng.

II. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp ngành Sư phạm Tin học có thể làm việc:

- Giáo viên Tin học tại các trường THPT, THCS, THCN.
- Giảng viên Tin học tại các trường Cao đẳng, Đại học.
- Chuyên viên CNTT tại các trường Phổ thông, các cơ sở đào tạo khác và các cơ quan quản lý giáo dục các cấp.

Sinh viên tốt nghiệp ngành Sư phạm Tin học có thể làm việc ở các phạm vi và lĩnh vực khác nhau như:

- Chuyên viên xây dựng, quản trị, phát triển các hệ thống để vận hành doanh nghiệp, tổ chức như hệ thống ERP, SCM, CRM, HR ,…
- Chuyên viên phân tích dữ liệu, lập dự án, hoạch định chính sách phát triển công nghệ thông tin cho các tổ chức và doanh nghiệp.
- Lập trình viên trong các công ty chuyên sản xuất, gia công phần mềm trong và ngoài nước.
- Quản lý dự án phần mềm, công nghệ thông tin, giám đốc thông tin (CIO Chief of Information Officer).
- Làm việc ở bộ phận công nghệ thông tin hoặc cần ứng dụng công nghệ thông

tin của tất cả các đơn vị có nhu cầu (hành chính sự nghiệp, ngân hàng, viễn thông, hàng không, xây dựng…).

- Cán bộ nghiên cứu và vận dụng Hệ thống thông tin ở các viện, trung tâm, cơ quan nghiên cứu của các bộ, ngành, các trường đại học, cao đẳng. Giảng dạy CNTT tại trường đại học, cao đẳng, nghề và phổ thông.

III. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Có khả năng tự tiếp tục học tập, nghiên cứu ở các trình độ sau đại học;

- Có phương pháp tiếp thu nhanh các công nghệ mới, khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên thông tin trên Internet, khả năng học tập suốt đời;

- Có khả năng tiếp tục nâng cao trình độ để đảm nhận những chức vụ cao hơn trong quản lý về Hệ thống thông tin: Quản trị dự án Hệ thống thông tin, Kiến trúc hệ thống, Hệ thống quản lý nguồn tài nguyên và nhân lực,...

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHUẨN ĐẦU RA

Ngành đào tạo: **Sư phạm Vật lý**
(*Physics Teacher Education*)
Mã ngành: 7140211
Trình độ đào tạo: Đại học
Loại hình đào tạo: Chính quy

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1471 /QĐ-ĐHSP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế)

I. Chuẩn đầu ra về phẩm chất và năng lực

1. Phẩm chất nghề nghiệp

PLO1.1. Phẩm chất chính trị và trách nhiệm công dân:

+ Chấp hành tốt các chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách pháp luật của Nhà nước; các quy định của ngành Giáo dục; các nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo.

+ Tham gia tích cực, có hiệu quả các hoạt động chính trị xã hội tại cơ sở giáo dục và nơi cư trú.

+ Vận động và cổ vũ lối sống lành mạnh; phê phán hành vi vi phạm đạo đức, vi phạm pháp luật.

PLO1.2. Đạo đức và phong cách nhà giáo

+ Nhận thức đầy đủ và có hàng động đúng với những chuẩn mực đạo đức và tác phong nhà giáo.

+ Đánh giá được những biểu hiện phù hợp/không phù hợp với đạo đức và tác phong của nhà giáo

+ Nỗ lực tự học, trau dồi kiến thức, kỹ năng và đạo đức nghề nghiệp.

PLO2. Năng lực chung

PLO2.1. Năng lực tự học và thích ứng với sự thay đổi hoạt động nghề nghiệp

+ Thiết kế được kế hoạch tự học và thực hành được các kỹ năng tự học cần thiết để hoàn thiện bản thân.

+ Phân tích được kinh nghiệm và sự hiểu biết của bản thân để thích ứng được với sự thay đổi trong hoạt động nghề nghiệp.

+ Thể hiện được những cách thức làm việc đa dạng với những đối tượng người học khác nhau; xây dựng cộng đồng học tập.

PLO2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác

+ Sử dụng thuần thục, hiệu quả tiếng Việt trong giao tiếp và hợp tác.

+ Vận dụng được các phương pháp và kỹ thuật phù hợp trong giao tiếp và hợp tác.

+ Đánh giá được hiệu quả hợp tác trong giải quyết các nhiệm vụ.

PLO2.3. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

+ Phát hiện và giải quyết được các vấn đề trong học tập và cuộc sống.

+ Đánh giá được cách thức giải quyết hiệu quả các vấn đề nảy sinh trong bối cảnh mới.

+ Đưa ra được cách thức giải quyết mới, phù hợp với bối cảnh thực tiễn.

PLO2.4. Năng lực tư duy phản biện

+ Nhận diện và phân tích được tính lôgic của một vấn đề.

+ Đưa ra được lập luận và bằng chứng thuyết phục để bảo về ý kiến/quan điểm của mình trong thảo luận/tranh luận.

+ Thống nhất được các cách lý giải khác nhau thành một kết luận có tính thuyết phục.

PLO2.5. Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong hoạt động nghề nghiệp

+ Tuân thủ các quy định của pháp luật, các quy tắc về đạo đức, xã hội trong việc sử dụng CNTT và truyền thông.

+ Đạt chuẩn CNTT cơ bản theo quy định của Bộ GD&ĐT và Bộ TT&TT. Sử dụng hiệu quả CNTT và truyền thông trong dạy học và nghiên cứu.

+ Đạt chứng chỉ B1 (hoặc tương đương) về trình độ ngoại ngữ. Sử dụng được ngoại ngữ trong giao tiếp và học tập chuyên ngành.

PLO2.6. Năng lực khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác

+ Thể hiện được hiểu biết của bản thân về lĩnh vực khởi nghiệp.

+ Phân tích được thị trường lao động, đặc biệt là trong lĩnh vực giáo dục.

+ Hình thành ý tưởng khởi nghiệp, dự đoán được những thuận lợi và khó khăn khi tiến hành khởi nghiệp.

3. Năng lực chuyên môn

PLO3.1. Năng lực đặc thù của khoa học chuyên ngành

+ Hiểu được những kiến thức khoa học thuộc chuyên ngành Vật lý.

+ Liên hệ được kiến thức chuyên ngành Vật lý với kiến thức môn học ở phổ thông.

+ Vận dụng được kiến thức khoa học chuyên ngành trong giảng dạy và nghiên cứu.

PLO3.2. Năng lực phát triển chương trình môn học

+ Hiểu được và vận dụng được trong việc phát triển chương trình môn học.

+ Thiết kế được kế hoạch phát triển chương trình môn học.

+ Đánh giá được những ưu và hạn chế của chương trình môn học và đề xuất được giải pháp.

PLO3.3. Năng lực vận dụng tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học chuyên ngành

+ Vận dụng được những tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học chuyên ngành trong mối liên hệ với thực tiễn giáo dục phổ thông.

+ Phân tích được những tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học chuyên ngành trong mối liên hệ với thực tiễn giáo dục phổ thông.

+ Đánh giá được những tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học chuyên ngành trong mối liên hệ với thực tiễn giáo dục phổ thông.

PLO3.4. Năng lực nghiên cứu khoa học giáo dục chuyên ngành

+ Phát hiện vấn đề nghiên cứu khoa học giáo dục chuyên ngành

+ Triển khai được vấn đề nghiên cứu khoa học giáo dục chuyên ngành,

+ Đánh giá được vấn đề nghiên cứu khoa học giáo dục chuyên ngành và vận dụng được trong học tập.

4. Năng lực nghề nghiệp

PLO4.1. Năng lực dạy học và giáo dục

+ Vận dụng được kiến thức khoa học chuyên ngành, lí luận dạy học và phương pháp dạy học và tài liệu giáo khoa vào việc xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.

+ Vận dụng được các hình thức, phương pháp, công cụ kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.

+ Xây dựng được môi trường giáo dục tích cực nhằm tạo động lực học tập, rèn luyện cho người học.

PLO4.2. Năng lực định hướng sự phát triển của người học

+ Tiếp cận và hiểu được người học.

+ Đánh giá được xu hướng phát triển của người học.

+ Xây dựng được kế hoạch bồi dưỡng, tư vấn, hỗ trợ hướng đến sự phát triển toàn diện của người học.

PLO4.3. Năng lực phát triển nghề nghiệp

+ Đánh giá và có kế hoạch phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của bản thân.

+ Cập nhật kịp thời yêu cầu đổi mới về kiến thức chuyên môn và nghiệp vụ nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

PLO4.4. Năng lực hoạt động xã hội

+ Tham gia và vận động được người khác tham gia tích cực các hoạt động xã hội.

+ Tổ chức được các hoạt động xã hội trong trường học và cộng đồng.

II. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Giảng dạy Vật lý tại các trường THPT, THCS, THCN;
- Giảng dạy Vật lý tại các trường cao đẳng, đại học;
- Làm việc tại các công ty phần mềm và công nghệ cao;
- Nghiên cứu tại các trung tâm, các viện nghiên cứu liên quan đến các lĩnh vực thuộc Vật lý.

III. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Tiếp tục học thạc sĩ ở trong và ngoài nước các chuyên ngành Vật lý và các chuyên ngành gần liên quan đến Vật lý;
- Tiếp tục học nghiên cứu sinh các chuyên ngành và chuyên ngành gần với Vật lý ở trong và ngoài nước.

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHUẨN ĐẦU RA

Ngành đào tạo: **Sư phạm Hoá học**
(*Chemistry Teacher Education*)
Mã ngành: 7140212
Trình độ đào tạo: Đại học
Loại hình đào tạo: Chính quy

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3451/QĐ-ĐHSP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế)

I. Chuẩn đầu ra về phẩm chất và năng lực

1. Phẩm chất nghề nghiệp

PLO1.1. Phẩm chất chính trị và trách nhiệm công dân

+ Chấp hành tốt các chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách pháp luật của Nhà nước; các quy định của ngành Giáo dục; các nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo.

+ Tham gia tích cực, có hiệu quả các hoạt động chính trị xã hội tại cơ sở giáo dục và nơi cư trú.

+ Vận động và cổ vũ lối sống lành mạnh; phê phán hành vi vi phạm đạo đức, vi phạm pháp luật.

PLO1.2. Đạo đức và phong cách nhà giáo

+ Nhận thức đầy đủ và có hàng động đúng với những chuẩn mực đạo đức và tác phong nhà giáo.

+ Đánh giá được những biểu hiện phù hợp/không phù hợp với đạo đức và tác phong của nhà giáo

+ Nỗ lực tự học, trau dồi kiến thức, kỹ năng và đạo đức nghề nghiệp.

2. Năng lực chung

PLO2.1. Năng lực tự học và thích ứng với sự thay đổi hoạt động nghề nghiệp

+ Thiết kế được kế hoạch tự học và thực hành được các kỹ năng tự học cần thiết để hoàn thiện bản thân.

+ Phân tích được kinh nghiệm và sự hiểu biết của bản thân để thích ứng được với sự thay đổi trong hoạt động nghề nghiệp.

+ Thể hiện được những cách thức làm việc đa dạng với những đối tượng người học khác nhau; xây dựng cộng đồng học tập.

PLO2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác

+ Sử dụng thuần thục, hiệu quả tiếng Việt trong giao tiếp và hợp tác.

+ Vận dụng được các phương pháp và kỹ thuật phù hợp trong giao tiếp và hợp tác.

+ Đánh giá được hiệu quả hợp tác trong giải quyết các nhiệm vụ.

PLO2.3. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

+ Phát hiện và giải quyết được các vấn đề trong học tập và cuộc sống.

+ Đánh giá được cách thức giải quyết hiệu quả các vấn đề nảy sinh trong bối cảnh mới.

+ Đưa ra được cách thức giải quyết mới, phù hợp với bối cảnh thực tiễn.

PLO2.4. Năng lực tư duy phản biện

+ Nhận diện và phân tích được tính lôgic của một vấn đề.

+ Đưa ra được lập luận và bằng chứng thuyết phục để bảo về ý kiến/quan điểm của mình trong thảo luận/tranh luận.

+ Thống nhất được các cách lý giải khác nhau thành một kết luận có tính thuyết phục.

PLO2.5. Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong hoạt động nghề nghiệp

+ Tuân thủ các quy định của pháp luật, các quy tắc về đạo đức, xã hội trong việc sử dụng CNTT và truyền thông.

+ Đạt chuẩn CNTT cơ bản theo quy định của Bộ GD&ĐT và Bộ TT&TT. Sử dụng hiệu quả CNTT và truyền thông trong dạy học và nghiên cứu.

+ Đạt chứng chỉ B1 (hoặc tương đương) về trình độ ngoại ngữ. Sử dụng được ngoại ngữ trong giao tiếp và học tập chuyên ngành.

PLO2.6. Năng lực khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác

+ Thể hiện được hiểu biết của bản thân về lĩnh vực khởi nghiệp.

+ Phân tích được thị trường lao động, đặc biệt là trong lĩnh vực giáo dục.

+ Hình thành ý tưởng khởi nghiệp, dự đoán được những thuận lợi và khó khăn khi tiến hành khởi nghiệp.

3. Năng lực chuyên môn

PLO3.1. Năng lực đặc thù của khoa học chuyên ngành

+ Nắm vững những vấn đề cơ bản về lý thuyết và thực nghiệm của hóa học.

+ Vận dụng được các kiến thức liên môn như: Toán, Vật lý, Sinh học... để giải quyết các vấn đề trong Hóa học.

+ Giải thích được các kiến thức chuyên sâu về Hóa đại cương, Hóa lý, Hóa phân tích, Hóa vô cơ, Hóa hữu cơ ở bậc Đại học, cụ thể: cấu tạo, tính chất các chất; vận dụng những nguyên lý của các quá trình Hóa học để giải quyết các vấn đề cụ thể.

+ Thiết kế và tiến hành thành thạo các thí nghiệm Hóa học, có kỹ năng báo cáo kết quả thí nghiệm.

+ Sử dụng thành thạo ngôn ngữ hóa học trong học tập, giảng dạy, giao tiếp và nghiên cứu khoa học.

+ Thiết kế và thực hiện được các đề tài nghiên cứu liên quan đến các chuyên ngành Hóa học có ý nghĩa khoa học và thực tiễn.

PLO3.2. Năng lực phát triển chương trình môn học

+ Nắm vững các loại chương trình theo cấp học, bậc học, theo phạm vi mục tiêu (chương trình giáo dục, chương trình môn học…) và vai trò, ý nghĩa của việc phát triển chương trình dạy học bộ môn Hóa học.

+ Phân tích các yếu tố cấu thành chương trình môn học: Mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học…; kiểm tra đánh giá kết quả học tập…; phân tích mối quan hệ giữa các yếu tố đó.

+ Vận dụng kiến thức về chương trình để phân tích, nhận xét, đánh giá chương trình môn Hóa học và môn Khoa học tự nhiên ở trường phổ thông: cách tiếp cận xây dựng chương trình, các yếu tố cấu thành chương trình và xu thế phát triển chương trình.

PLO3.3. Năng lực vận dụng tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học

+ Vận dụng được kiến thức Hóa học và lí luận dạy học bộ môn vào dạy học môn Hóa học, môn Khoa học tự nhiên ở các cấp học và tổ chức hoạt động trải nghiệm cho người học.

+ Vận dụng thành thạo, linh hoạt, sáng tạo các kiến thức khoa học chuyên ngành, các phương pháp nghiên cứu để thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học liên quan đến các vấn đề thực tiễn của Hóa học như: năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, nguồn điện hoá học, mỹ phẩm, vật liệu vô cơ, tổng hợp hữu cơ, hợp chất thiên nhiên, vật liệu mới ứng dụng trong xúc tác, trong dự trữ năng lượng, trong y sinh, trong hoá dầu, thực phẩm, mỹ phẩm, dược phẩm… nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội.

PLO3.4. Năng lực nghiên cứu khoa học giáo dục chuyên ngành

+ Nắm vững các kiến thức về phương pháp luận nghiên cứu khoa học, các phương pháp nghiên cứu khoa học cơ bản về khoa học tự nhiên và dạy học Hóa học.

-+ Vận dụng sáng tạo các kiến thức chuyên ngành Hóa học trong việc phát triển chương trình bộ môn, đổi mới quá trình dạy học Hóa học và giáo dục.

4. Năng lực nghề nghiệp

PLO4.1. Năng lực dạy học và giáo dục

+- Vận dụng được kiến thức khoa học chuyên ngành, lí luận dạy học và phương pháp dạy học và tài liệu giáo khoa vào việc xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.

+ Vận dụng được các hình thức, phương pháp, công cụ kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.

- Xây dựng được môi trường giáo dục tích cực nhằm tạo động lực học tập, rèn luyện cho người học.

PLO4.2. Năng lực định hướng sự phát triển của người học

+ Tiếp cận và hiểu được người học.

+ Đánh giá được xu hướng phát triển của người học.

+ Xây dựng được kế hoạch bồi dưỡng, tư vấn, hỗ trợ hướng đến sự phát triển toàn diện của người học.

PLO4.3. Năng lực phát triển nghề nghiệp

+ Đánh giá và có kế hoạch phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của bản thân.

+ Cập nhật kịp thời yêu cầu đổi mới về kiến thức chuyên môn và nghiệp vụ nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

PLO4.4. Năng lực hoạt động xã hội

+ Tham gia và vận động được người khác tham gia tích cực các hoạt động xã hội.

+ Tổ chức được các hoạt động xã hội trong trường học và cộng đồng.

II. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Giảng dạy môn Hóa học trong các trường Trung học cơ sở, Trung học phổ

thông (THPT), Trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học và các cơ sở đào tạo khác.

- Làm việc trong các cơ sở như: Viện Hóa học, Sở Tài nguyên môi trường, Sở Khoa học công nghệ, Trung tâm kiểm định, Nhà máy nước, Nhà máy điện hạt nhân…

- Làm việc trong các doanh nghiệp sản xuất liên quan đến Hóa học như xí nghiệp Dược, công ty hóa chất, bia rượu, chế biến thực phẩm...

- Làm chuyên viên và nghiên cứu viên tại các trung tâm nghiên cứu, làm kỹ thuật viên tại các nhà máy, xí nghiệp…

- Tham gia các dự án hợp tác liên quan đến hóa học.

III. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Cử nhân Sư phạm Hóa học có khả năng tự đào tạo, tự nghiên cứu; có khả năng tiếp tục học thạc sĩ và tiến sĩ trong và ngoài nước.

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHUẨN ĐẦU RA

Ngành đào tạo: **Sư phạm Lịch sử**
(*History Teacher Education*)
Mã ngành: 7140218
Trình độ đào tạo: Đại học
Loại hình đào tạo: Chính quy

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3451 /QĐ-ĐHSP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế)

I. Chuẩn đầu ra về phẩm chất và năng lực

1. Phẩm chất nghề nghiệp

PLO1.1. Phẩm chất chính trị và trách nhiệm công dân

- Chấp hành tốt các chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách pháp luật của Nhà nước; các quy định của ngành Giáo dục; các nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo.

- Tham gia tích cực, có hiệu quả các hoạt động chính trị xã hội tại cơ sở giáo dục và nơi cư trú.

- Vận động và cổ vũ lối sống lành mạnh; phê phán hành vi vi phạm đạo đức, vi phạm pháp luật.

PLO1.2. Đạo đức và phong cách nhà giáo

- Nhận thức đầy đủ và có hàng động đúng với những chuẩn mực đạo đức và tác phong nhà giáo.

- Đánh giá được những biểu hiện phù hợp/không phù hợp với đạo đức và tác phong của nhà giáo.

- Nỗ lực tự học, trau dồi kiến thức, kỹ năng và đạo đức nghề nghiệp.

2. Năng lực chung

PLO2.1. Năng lực tự học và thích ứng với sự thay đổi

- Thiết kế được kế hoạch tự học và thực hành được các kỹ năng tự học cần thiết để hoàn thiện bản thân.

- Phân tích được kinh nghiệm và sự hiểu biết của bản thân để thích ứng được với sự thay đổi trong hoạt động nghề nghiệp.

- Thể hiện được những cách thức làm việc đa dạng với những đối tượng người học khác nhau; xây dựng cộng đồng học tập.

PLO2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác

- Sử dụng thuần thục, hiệu quả tiếng Việt trong giao tiếp và hợp tác.

- Vận dụng được các phương pháp và kỹ thuật phù hợp trong giao tiếp và hợp tác.

- Đánh giá được hiệu quả hợp tác trong giải quyết các nhiệm vụ.

PLO2.3. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Phát hiện và giải quyết được các vấn đề trong học tập và cuộc sống.

- Đánh giá được cách thức giải quyết hiệu quả các vấn đề nảy sinh trong bối cảnh mới.

- Đưa ra được cách thức giải quyết mới, phù hợp với bối cảnh thực tiễn.

PLO2.4. Năng lực tư duy phản biện

- Nhận diện và phân tích được tính lôgic của một vấn đề.

- Đưa ra được lập luận và bằng chứng thuyết phục để bảo về ý kiến/quan điểm của mình trong thảo luận/tranh luận.

- Thống nhất được các cách lý giải khác nhau thành một kết luận có tính thuyết phục.

PLO2.5. Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong hoạt động nghề nghiệp

- Tuân thủ các quy định của pháp luật, các quy tắc về đạo đức, xã hội trong việc sử dụng CNTT và truyền thông.

- Đạt chuẩn công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Bộ GD&ĐT và Bộ CNTT. Sử dụng hiệu quả CNTT và truyền thông trong dạy học và nghiên cứu.

- Đạt chứng chỉ B1 (hoặc tương đương) về trình độ ngoại ngữ. Sử dụng được ngoại ngữ trong giao tiếp và học tập chuyên ngành.

PLO2.6. Năng lực khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác

- Thể hiện được hiểu biết của bản thân về lĩnh vực khởi nghiệp.

- Phân tích được thị trường lao động, đặc biệt là trong lĩnh vực giáo dục.

- Hình thành ý tưởng khởi nghiệp, dự đoán được những thuận lợi và khó khăn khi tiến hành khởi nghiệp.

3. Năng lực chuyên môn

PLO3.1. Năng lực đặc thù của khoa học chuyên ngành

- Trình bày được những kiến thức cơ bản thuộc khoa học lịch sử và khoa học giáo dục lịch sử.

- Vận dụng được kiến thức khoa học chuyên ngành trong giảng dạy và nghiên cứu lịch sử.

- Phân tích, đánh giá được các sự kiện, hiện tượng lịch sử và rút ra được các bài học/ kinh nghiệm để vận dụng vào thực tiễn cuộc sống.

PLO3.2. Năng lực phát triển chương trình môn học

- Trình bày được cấu trúc và mục tiêu của chương trình môn Lịch sử.

- Thiết kế được kế hoạch phát triển chương trình môn Lịch sử theo hướng hiện đại, đáp ứng yêu cầu cập nhật chương trình lịch sử phổ thông.

- Đánh giá được những ưu điểm, hạn chế của chương trình môn học và đề xuất được giải pháp để phát triển chương trình đào tạo tiên tiến.

PLO3.3. Năng lực vận dụng tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học chuyên ngành

- Vận dụng được những tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học lịch sử, khoa học giáo dục lịch sử trong mối liên hệ với dạy học ở phổ thông và thực tiễn hoạt động nghề nghiệp.

- Phân tích được những tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học lịch sử trong đánh giá chất lượng dạy học của bản thân và đồng nghiệp.

- Đánh giá, lựa chọn và kết hợp được những tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học lịch sử trong việc biên soạn tài liệu dạy - học, thực hiện kế hoạch dạy học và phát triển chương trình môn Lịch sử theo yêu cầu của xã hội.

PLO3.4. Năng lực nghiên cứu khoa học giáo dục chuyên ngành

- Phát hiện và đề xuất được vấn đề nghiên cứu thuộc khoa học lịch sử với nhiều cấp độ, mục tiêu nghiên cứu khác nhau.

- Vận dụng hiệu quả các phương pháp nghiên cứu phù hợp để hoàn thành được vấn đề nghiên cứu/ đề tài nghiên cứu.

- Đánh giá được vấn đề nghiên cứu khoa học giáo dục lịch sử và vận dụng được trong học tập, tự bồi dưỡng.

4. Năng lực nghề nghiệp

PLO4.1. Năng lực dạy học và giáo dục

- Vận dụng được kiến thức khoa học chuyên ngành, lí luận dạy học và phương pháp dạy học và tài liệu giáo khoa vào việc xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.

- Vận dụng được các hình thức, phương pháp, công cụ kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.

- Xây dựng được môi trường giáo dục tích cực nhằm tạo động lực học tập, rèn luyện cho người học.

PLO4.2. Năng lực định hướng sự phát triển của người học

- Tiếp cận và hiểu được người học.

- Đánh giá được xu hướng phát triển của người học.

- Xây dựng được kế hoạch bồi dưỡng, tư vấn, hỗ trợ hướng đến sự phát triển toàn diện của người học.

PLO4.3. Năng lực phát triển nghề nghiệp

- Đánh giá và có kế hoạch phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của bản thân.

- Cập nhật kịp thời yêu cầu đổi mới về kiến thức chuyên môn và nghiệp vụ nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

PLO4.4. Năng lực hoạt động xã hội

- Tham gia và vận động được người khác tham gia tích cực các hoạt động xã hội.

- Tổ chức được các hoạt động xã hội trong trường học và cộng đồng.

II. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, các cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử có khả năng:

- Làm giáo viên dạy môn Lịch sử, Lịch sử - Địa lý tại các trường THCS, THPT.

- Nghiên cứu và giảng dạy Lịch sử thế giới, Lịch sử Việt Nam, Lý luận và Phương pháp dạy học Lịch sử tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp.

- Có thể làm chuyên viên nghiên cứu tại các trung tâm, viện nghiên cứu thuộc lĩnh vực khoa học xã hội hoặc khoa học giáo dục.

- Làm việc tại các cơ quan, ban ngành, đoàn thể, tổ chức có liên quan đến lịch sử, văn hóa thông tin, xã hội, giáo dục, chính trị, quân sự, du lịch....

III. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Có khả năng tự học, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

- Có khả năng tự đánh giá, tự rèn luyện nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy học và giáo dục; phát hiện và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp nhằm đáp ứng những yêu cầu mới của xã hội.

- Có khả năng tiếp tục học tập để đạt thêm chương trình Cử nhân Khoa học Lịch sử, chương trình Cử nhân Sư phạm Lịch sử - Địa lý, Cử nhân Sư phạm Địa lý, Cử nhân Lịch sử - Du lịch và nghiên cứu chuyên môn ở trình độ Thạc sỹ và Tiến sỹ thuộc các chuyên ngành Lịch sử Việt Nam, Lịch sử thế giới, Lý luận và PPDH bộ môn Lịch sử.

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHUẨN ĐẦU RA

Ngành đào tạo: **Sư phạm Địa lý**
(*Geography Teacher Education*)
Mã ngành: 7140218
Trình độ đào tạo: Đại học
Loại hình đào tạo: Chính quy

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3451/QĐ-ĐHSP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế)

I. Chuẩn đầu ra về phẩm chất và năng lực

1. Phẩm chất nghề nghiệp

PLO1.1. Phẩm chất chính trị và trách nhiệm công dân

- Chấp hành tốt các chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách pháp luật của Nhà nước; các quy định của ngành Giáo dục; các nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo.

- Tham gia tích cực, có hiệu quả các hoạt động chính trị xã hội tại cơ sở giáo dục và nơi cư trú.

- Vận động và cổ vũ lối sống lành mạnh; phê phán hành vi vi phạm đạo đức, vi phạm pháp luật.

PLO1.2. Đạo đức và phong cách nhà giáo

- Nhận thức đầy đủ và có hàng động đúng với những chuẩn mực đạo đức và tác phong nhà giáo.

- Đánh giá được những biểu hiện phù hợp/không phù hợp với đạo đức và tác phong của nhà giáo.

- Nỗ lực tự học, trau dồi kiến thức, kỹ năng và đạo đức nghề nghiệp.

2. Năng lực chung

PLO2.1. Năng lực tự học và thích ứng với sự thay đổi

- Thiết kế được kế hoạch tự học và thực hành được các kỹ năng tự học cần thiết để hoàn thiện bản thân.

- Phân tích được kinh nghiệm và sự hiểu biết của bản thân để thích ứng được với sự thay đổi trong hoạt động nghề nghiệp.

- Thể hiện được những cách thức làm việc đa dạng với những đối tượng người học khác nhau; xây dựng cộng đồng học tập.

PLO2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác

- Sử dụng thuần thục, hiệu quả tiếng Việt trong giao tiếp và hợp tác.

- Vận dụng được các phương pháp và kỹ thuật phù hợp trong giao tiếp và hợp tác.

- Đánh giá được hiệu quả hợp tác trong giải quyết các nhiệm vụ.

PLO2.3. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Phát hiện và giải quyết được các vấn đề trong học tập và cuộc sống.

- Đánh giá được cách thức giải quyết hiệu quả các vấn đề nảy sinh trong bối cảnh mới.

- Đưa ra được cách thức giải quyết mới, phù hợp với bối cảnh thực tiễn.

PLO2.4. Năng lực tư duy phản biện

- Nhận diện và phân tích được tính lôgic của một vấn đề.

- Đưa ra được lập luận và bằng chứng thuyết phục để bảo về ý kiến/quan điểm của mình trong thảo luận/tranh luận.

- Thống nhất được các cách lý giải khác nhau thành một kết luận có tính thuyết phục.

PLO2.5. Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong hoạt động nghề nghiệp

- Tuân thủ các quy định của pháp luật, các quy tắc về đạo đức, xã hội trong việc sử dụng CNTT và truyền thông.

- Đạt chuẩn công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Bộ GD&ĐT và Bộ CNTT. Sử dụng hiệu quả CNTT và truyền thông trong dạy học và nghiên cứu.

- Đạt chứng chỉ B1 (hoặc tương đương) về trình độ ngoại ngữ. Sử dụng được ngoại ngữ trong giao tiếp và học tập chuyên ngành.

PLO2.6. Năng lực khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác

- Thể hiện được hiểu biết của bản thân về lĩnh vực khởi nghiệp.

- Phân tích được thị trường lao động, đặc biệt là trong lĩnh vực giáo dục.

- Hình thành ý tưởng khởi nghiệp, dự đoán được những thuận lợi và khó khăn khi tiến hành khởi nghiệp.

3. Năng lực chuyên môn

PLO3.1. Năng lực đặc thù của khoa học chuyên ngành

- Hiểu biết được những kiến thức khoa học thuộc chuyên ngành Địa lý.

- Liên hệ được kiến thức chuyên ngành Địa lý với kiến thức môn học ở phổ thông.

- Vận dụng được kiến thức khoa học chuyên ngành trong giảng dạy và nghiên cứu.

PLO3.2. Năng lực phát triển chương trình môn học

- Hiểu rõ và thực hiện được phát triển chương trình môn học.

- Thiết kế được kế hoạch phát triển chương trình môn học.

- Đánh giá được những ưu và hạn chế của chương trình môn học và đề xuất được giải pháp phù hợp.

PLO3.3. Năng lực vận dụng tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học chuyên ngành

- Vận dụng được những tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học chuyên ngành trong mối liên hệ với thực tiễn giáo dục phổ thông.

- Phân tích được những tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học chuyên ngành trong mối liên hệ với thực tiễn giáo dục phổ thông.

- Đánh giá được những tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học chuyên ngành trong mối liên hệ với thực tiễn giáo dục phổ thông.

PLO3.4. Năng lực nghiên cứu khoa học giáo dục chuyên ngành

- Phát hiện vấn đề nghiên cứu khoa học giáo dục chuyên ngành

- Triển khai được vấn đề nghiên cứu khoa học giáo dục chuyên ngành.

- Đánh giá được vấn đề nghiên cứu khoa học giáo dục chuyên ngành và vận dụng được trong học tập.

4. Năng lực nghề nghiệp

PLO4.1. Năng lực dạy học và giáo dục

- Vận dụng được kiến thức khoa học chuyên ngành, lí luận dạy học và phương pháp dạy học và tài liệu giáo khoa vào việc xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.

- Vận dụng được các hình thức, phương pháp, công cụ kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.

- Xây dựng được môi trường giáo dục tích cực nhằm tạo động lực học tập, rèn luyện cho người học.

PLO4.2. Năng lực định hướng sự phát triển của người học

- Tiếp cận và hiểu được người học.

- Đánh giá được xu hướng phát triển của người học.

- Xây dựng được kế hoạch bồi dưỡng, tư vấn, hỗ trợ hướng đến sự phát triển toàn diện của người học.

PLO4.3. Năng lực phát triển nghề nghiệp

- Đánh giá và có kế hoạch phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của bản thân.

- Cập nhật kịp thời yêu cầu đổi mới về kiến thức chuyên môn và nghiệp vụ nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

PLO4.4. Năng lực hoạt động xã hội

- Tham gia và vận động được người khác tham gia tích cực các hoạt động xã hội.

- Tổ chức được các hoạt động xã hội trong trường học và cộng đồng.

II. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Giáo viên giảng dạy môn Địa lý ở các trường THPT và THCS.

- Giáo viên giảng dạy môn Địa lý ở các trường trung cấp, cao đẳng và đại học.

- Có thể đảm nhận công việc của các tổ chức xã hội trong và ngoài nước trong các lĩnh vực liên quan đến địa lý tự nhiên: quy hoạch lãnh thổ, quản lý tài nguyên môi trường.

- Có thể đảm nhận công việc của các tổ chức xã hội trong và ngoài nước trong các lĩnh vực liên quan đến địa lý kinh tế - xã hội: các dự án dân số, phát triển nông thôn, đô thị hóa…

- Có khả năng tìm kiếm việc làm ở các viện, trung tâm nghiên cứu về lĩnh vực môi trường, tài nguyên, dân số, du lịch, phát triển kinh tế - xã hội khu vực.

III. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Có khả năng tự học, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

- Có khả năng tự đánh giá, tự rèn luyện nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy học và giáo dục; phát hiện và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp nhằm đáp ứng những yêu cầu mới.

- Có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu chuyên môn ở trình độ thạc sỹ và tiến sỹ thuộc các chuyên ngành Địa lý.

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHUẨN ĐẦU RA

Ngành đào tạo: **Sư phạm Âm nhạc**
(Music *Teacher Education*)
Mã ngành: 7140221
Trình độ đào tạo: Đại học
Loại hình đào tạo: Chính quy

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3451/QĐ-ĐHSP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế)

I. Chuẩn đầu ra về phẩm chất và năng lực

1. Phẩm chất nghề nghiệp

PLO1.1. Phẩm chất chính trị và trách nhiệm công dân

- Chấp hành tốt các chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách pháp luật của Nhà nước; các quy định của ngành Giáo dục; các nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo.

- Tham gia tích cực, có hiệu quả các hoạt động chính trị xã hội tại cơ sở giáo dục và nơi cư trú.

- Vận động và cổ vũ lối sống lành mạnh; phê phán hành vi vi phạm đạo đức, vi phạm pháp luật.

PLO1.2. Đạo đức và phong cách nhà giáo

- Nhận thức đầy đủ và có hàng động đúng với những chuẩn mực đạo đức và tác phong nhà giáo.

- Đánh giá được những biểu hiện phù hợp/không phù hợp với đạo đức và tác phong của nhà giáo.

- Nỗ lực tự học, trau dồi kiến thức, kỹ năng và đạo đức nghề nghiệp.

2. Năng lực chung

PLO2.1. Năng lực tự học và thích ứng với sự thay đổi

- Thiết kế được kế hoạch tự học và thực hành được các kỹ năng tự học cần thiết để hoàn thiện bản thân.

- Phân tích được kinh nghiệm và sự hiểu biết của bản thân để thích ứng được với sự thay đổi trong hoạt động nghề nghiệp.

- Thể hiện được những cách thức làm việc đa dạng với những đối tượng người học khác nhau; xây dựng cộng đồng học tập.

PLO2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác

- Sử dụng thuần thục, hiệu quả tiếng Việt trong giao tiếp và hợp tác.

- Vận dụng được các phương pháp và kỹ thuật phù hợp trong giao tiếp và hợp tác.

- Đánh giá được hiệu quả hợp tác trong giải quyết các nhiệm vụ.

PLO2.3. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Phát hiện và giải quyết được các vấn đề trong học tập và cuộc sống.

- Đánh giá được cách thức giải quyết hiệu quả các vấn đề nảy sinh trong bối cảnh mới.

- Đưa ra được cách thức giải quyết mới, phù hợp với bối cảnh thực tiễn.

PLO2.4. Năng lực tư duy phản biện

- Nhận diện và phân tích được tính lôgic của một vấn đề.

- Đưa ra được lập luận và bằng chứng thuyết phục để bảo về ý kiến/quan điểm của mình trong thảo luận/tranh luận.

- Thống nhất được các cách lý giải khác nhau thành một kết luận có tính thuyết phục.

PLO2.5. Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong hoạt động nghề nghiệp

- Tuân thủ các quy định của pháp luật, các quy tắc về đạo đức, xã hội trong việc sử dụng CNTT và truyền thông.

- Đạt chuẩn công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Bộ GD&ĐT và Bộ CNTT. Sử dụng hiệu quả CNTT và truyền thông trong dạy học và nghiên cứu.

- Đạt chứng chỉ B1 (hoặc tương đương) về trình độ ngoại ngữ. Sử dụng được ngoại ngữ trong giao tiếp và học tập chuyên ngành.

PLO2.6. Năng lực khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác

- Thể hiện được hiểu biết của bản thân về lĩnh vực khởi nghiệp.

- Phân tích được thị trường lao động, đặc biệt là trong lĩnh vực giáo dục.

- Hình thành ý tưởng khởi nghiệp, dự đoán được những thuận lợi và khó khăn khi tiến hành khởi nghiệp.

3. Năng lực chuyên môn

PLO3.1. Năng lực đặc thù của khoa học chuyên ngành

- Hiểu biết được những kiến thức khoa học thuộc chuyên ngành âm nhạc

- Liên hệ được kiến thức chuyên ngành với kiến thức môn học âm nhạc ở phổ thông.

- Vận dụng được kiến thức khoa học chuyên ngành trong hoạt động nghề nghiệp và thực tiễn.

PLO3.2. Năng lực phát triển chương trình môn học

- Hiểu rõ và thực hiện được phát triển chương trình môn học.

- Thiết kế được kế hoạch phát triển chương trình môn học.

- Đánh giá được những ưu và hạn chế của chương trình môn học và đề xuất được giải pháp phù hợp.

PLO3.3. Năng lực vận dụng tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học chuyên ngành

- Vận dụng được những tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học chuyên ngành trong mối liên hệ với thực tiễn giáo dục phổ thông.

- Phân tích được những tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học chuyên ngành trong mối liên hệ với thực tiễn giáo dục phổ thông.

- Đánh giá được những tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học chuyên ngành trong mối liên hệ với thực tiễn giáo dục phổ thông.

PLO3.4. Năng lực nghiên cứu khoa học giáo dục chuyên ngành

- Phát hiện vấn đề nghiên cứu khoa học giáo dục chuyên ngành

- Triển khai được vấn đề nghiên cứu khoa học giáo dục chuyên ngành.

- Đánh giá được vấn đề nghiên cứu khoa học giáo dục chuyên ngành và vận dụng được trong học tập.

4. Năng lực nghề nghiệp

PLO4.1. Năng lực dạy học và giáo dục

- Vận dụng được kiến thức khoa học chuyên ngành, lí luận dạy học và phương pháp dạy học và tài liệu giáo khoa vào việc xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.

- Vận dụng được các hình thức, phương pháp, công cụ kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.

- Xây dựng được môi trường giáo dục tích cực nhằm tạo động lực học tập, rèn luyện cho người học.

PLO4.2. Năng lực định hướng sự phát triển của người học

- Tiếp cận và hiểu được người học.

- Đánh giá được xu hướng phát triển của người học.

- Xây dựng được kế hoạch bồi dưỡng, tư vấn, hỗ trợ hướng đến sự phát triển toàn diện của người học.

PLO4.3. Năng lực phát triển nghề nghiệp

- Đánh giá và có kế hoạch phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của bản thân.

- Cập nhật kịp thời yêu cầu đổi mới về kiến thức chuyên môn và nghiệp vụ nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

PLO4.4. Năng lực hoạt động xã hội

- Tham gia và vận động được người khác tham gia tích cực các hoạt động xã hội.

- Tổ chức được các hoạt động xã hội trong trường học và cộng đồng.

II. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Có trình độ chuyên môn và khả năng thực hành để giảng dạy âm nhạc ở các bậc học phổ thông, các Trường Sư phạm và các trường Văn hóa nghệ thuật.

- Đáp ứng được công tác nghiên cứu ở các Vụ, Viện, Trung tâm nghiên cứu hoặc các cơ quan, đoàn thể xã hội cần sử dụng hoặc có liên quan đến chuyên môn âm nhạc và giáo dục âm nhạc.

- Có khả năng quản lý và tổ chức hoạt động phong trào ở các cơ quan văn hóa.

III. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Có đủ khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu chuyên môn ở trình độ sau Đại học.

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHUẨN ĐẦU RA

Ngành đào tạo: **Sư phạm Sinh học**
(*Biology Teacher Education*)
Mã ngành: 7140213
Trình độ đào tạo: Đại học
Loại hình đào tạo: Chính quy

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3457 /QĐ-ĐHSP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế)

I. Chuẩn đầu ra về phẩm chất và năng lực

1. Phẩm chất nghề nghiệp

PLO1.1. Phẩm chất chính trị và trách nhiệm công dân

- Chấp hành tốt các chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách pháp luật của Nhà nước; các quy định của ngành Giáo dục; các nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo.

- Tham gia tích cực, có hiệu quả các hoạt động chính trị xã hội tại cơ sở giáo dục và nơi cư trú.

- Vận động và cổ vũ lối sống lành mạnh; phê phán hành vi vi phạm đạo đức, vi phạm pháp luật.

PLO1.2. Đạo đức và phong cách nhà giáo

- Nhận thức đầy đủ và có hàng động đúng với những chuẩn mực đạo đức và tác phong nhà giáo.

- Đánh giá được những biểu hiện phù hợp/không phù hợp với đạo đức và tác phong của nhà giáo.

- Nỗ lực tự học, trau dồi kiến thức, kỹ năng và đạo đức nghề nghiệp.

2. Năng lực chung

PLO2.1. Năng lực tự học và thích ứng với sự thay đổi

- Thiết kế được kế hoạch tự học và thực hành được các kỹ năng tự học cần thiết để hoàn thiện bản thân.

- Phân tích được kinh nghiệm và sự hiểu biết của bản thân để thích ứng được với sự thay đổi trong hoạt động nghề nghiệp.

- Thể hiện được những cách thức làm việc đa dạng với những đối tượng người học khác nhau; xây dựng cộng đồng học tập.

PLO2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác

- Sử dụng thuần thục, hiệu quả tiếng Việt trong giao tiếp và hợp tác.

- Vận dụng được các phương pháp và kỹ thuật phù hợp trong giao tiếp và hợp tác.

- Đánh giá được hiệu quả hợp tác trong giải quyết các nhiệm vụ.

PLO2.3. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Phát hiện và giải quyết được các vấn đề trong học tập và cuộc sống.

- Đánh giá được cách thức giải quyết hiệu quả các vấn đề nảy sinh trong bối cảnh mới.

- Đưa ra được cách thức giải quyết mới, phù hợp với bối cảnh thực tiễn.

PLO2.4. Năng lực tư duy phản biện

- Nhận diện và phân tích được tính lôgic của một vấn đề.

- Đưa ra được lập luận và bằng chứng thuyết phục để bảo về ý kiến/quan điểm của mình trong thảo luận/tranh luận.

- Thống nhất được các cách lý giải khác nhau thành một kết luận có tính thuyết phục.

PLO2.5. Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong hoạt động nghề nghiệp

- Tuân thủ các quy định của pháp luật, các quy tắc về đạo đức, xã hội trong việc sử dụng CNTT và truyền thông.

- Đạt chuẩn công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Bộ GD&ĐT và Bộ CNTT. Sử dụng hiệu quả CNTT và truyền thông trong dạy học và nghiên cứu.

- Đạt chứng chỉ B1 (hoặc tương đương) về trình độ ngoại ngữ. Sử dụng được ngoại ngữ trong giao tiếp và học tập chuyên ngành.

PLO2.6. Năng lực khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác

- Thể hiện được hiểu biết của bản thân về lĩnh vực khởi nghiệp.

- Phân tích được thị trường lao động, đặc biệt là trong lĩnh vực giáo dục.

- Hình thành ý tưởng khởi nghiệp, dự đoán được những thuận lợi và khó khăn khi tiến hành khởi nghiệp.

3. Năng lực chuyên môn

PLO3.1. Năng lực đặc thù của khoa học chuyên ngành

- Hiểu biết được những kiến thức khoa học thuộc chuyên ngành Sinh học.

- Liên hệ được kiến thức chuyên ngành Sinh học với kiến thức môn học ở phổ thông.

- Vận dụng được kiến thức khoa học chuyên ngành trong giảng dạy và nghiên cứu.

PLO3.2. Năng lực phát triển chương trình môn học

- Hiểu rõ và thực hiện được phát triển chương trình môn học.

- Thiết kế được kế hoạch phát triển chương trình môn học.

- Đánh giá được những ưu và hạn chế của chương trình môn học và đề xuất được giải pháp.

PLO3.3. Năng lực vận dụng tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học chuyên ngành

- Vận dụng được những tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học chuyên ngành trong mối liên hệ với thực tiễn giáo dục phổ thông.

- Phân tích được những tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học chuyên ngành trong mối liên hệ với thực tiễn giáo dục phổ thông.

- Đánh giá được những tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học chuyên ngành trong mối liên hệ với thực tiễn giáo dục phổ thông.

PLO3.4. Năng lực nghiên cứu khoa học giáo dục chuyên ngành

- Phát hiện vấn đề nghiên cứu khoa học giáo dục chuyên ngành
- Triển khai được vấn đề nghiên cứu khoa học giáo dục chuyên ngành.
- Đánh giá được vấn đề nghiên cứu khoa học giáo dục chuyên ngành và vận dụng được trong học tập.

4. Năng lực nghề nghiệp

PLO4.1. Năng lực dạy học và giáo dục

- Vận dụng được kiến thức khoa học chuyên ngành, lí luận dạy học và phương pháp dạy học và tài liệu giáo khoa vào việc xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.
- Vận dụng được các hình thức, phương pháp, công cụ kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.
- Xây dựng được môi trường giáo dục tích cực nhằm tạo động lực học tập, rèn luyện cho người học.

PLO4.2. Năng lực định hướng sự phát triển của người học

- Tiếp cận và hiểu được người học.
- Đánh giá được xu hướng phát triển của người học.
- Xây dựng được kế hoạch bồi dưỡng, tư vấn, hỗ trợ hướng đến sự phát triển toàn diện của người học.

PLO4.3. Năng lực phát triển nghề nghiệp

- Đánh giá và có kế hoạch phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của bản thân.
- Cập nhật kịp thời yêu cầu đổi mới về kiến thức chuyên môn và nghiệp vụ nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

PLO4.4. Năng lực hoạt động xã hội

- Tham gia và vận động được người khác tham gia tích cực các hoạt động xã hội.
- Tổ chức được các hoạt động xã hội trong trường học và cộng đồng.

II. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Giảng dạy Sinh học, Khoa học tự nhiên và Công nghệ tại các trường trung học phổ thông, trung học cơ sở.
- Giảng dạy các học phần chuyên môn liên quan đến sinh học tại các trường các trường cao đẳng và trung học chuyên nghiệp.
- Tham gia nghiên cứu tại các trung tâm nghiên cứu khoa học thuộc các lĩnh vực liên quan đến sinh học, khoa học tự nhiên.
- Làm việc tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp,…

III. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Người tốt nghiệp có thể học tập nâng cao trình độ ở bậc Thạc sỹ, Tiến sỹ các chuyên ngành liên quan đến Sinh học ở trong và ngoài nước.

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHUẨN ĐẦU RA

Ngành đào tạo: **Sư phạm Ngữ văn**
(*Philology Teacher Education*)
Mã ngành: 7140217
Trình độ đào tạo: Đại học
Loại hình đào tạo: Chính quy

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3471/QĐ-ĐHSP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế)

I. Chuẩn đầu ra về phẩm chất và năng lực

1. Phẩm chất nghề nghiệp

PLO1.1. Phẩm chất chính trị và trách nhiệm công dân

- Chấp hành tốt các chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách pháp luật của Nhà nước; các quy định của ngành Giáo dục; các nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo.

- Tham gia tích cực, có hiệu quả các hoạt động chính trị xã hội tại cơ sở giáo dục và nơi cư trú.

- Vận động và cổ vũ lối sống lành mạnh; phê phán hành vi vi phạm đạo đức, vi phạm pháp luật.

PLO1.2. Đạo đức và phong cách nhà giáo

- Nhận thức đầy đủ và có hàng động đúng với những chuẩn mực đạo đức và tác phong nhà giáo.

- Đánh giá được những biểu hiện phù hợp/không phù hợp với đạo đức và tác phong của nhà giáo.

- Nỗ lực tự học, trau dồi kiến thức, kỹ năng và đạo đức nghề nghiệp.

2. Năng lực chung

PLO2.1. Năng lực tự học và thích ứng với sự thay đổi

- Thiết kế được kế hoạch tự học và thực hành được các kỹ năng tự học cần thiết để hoàn thiện bản thân.

- Phân tích được kinh nghiệm và sự hiểu biết của bản thân để thích ứng được với sự thay đổi trong hoạt động nghề nghiệp.

- Thể hiện được những cách thức làm việc đa dạng với những đối tượng người học khác nhau; xây dựng cộng đồng học tập.

PLO2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác

- Sử dụng thuần thục, hiệu quả tiếng Việt trong giao tiếp và hợp tác.

- Vận dụng được các phương pháp và kỹ thuật phù hợp trong giao tiếp và hợp tác.

- Đánh giá được hiệu quả hợp tác trong giải quyết các nhiệm vụ.

PLO2.3. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Phát hiện và giải quyết được các vấn đề trong học tập và cuộc sống.

- Đánh giá được cách thức giải quyết hiệu quả các vấn đề nảy sinh trong bối cảnh mới.

- Đưa ra được cách thức giải quyết mới, phù hợp với bối cảnh thực tiễn.

PLO2.4. Năng lực tư duy phản biện

- Nhận diện và phân tích được tính lôgic của một vấn đề.

- Đưa ra được lập luận và bằng chứng thuyết phục để bảo về ý kiến/quan điểm của mình trong thảo luận/tranh luận.

- Thống nhất được các cách lý giải khác nhau thành một kết luận có tính thuyết phục.

PLO2.5. Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong hoạt động nghề nghiệp

- Tuân thủ các quy định của pháp luật, các quy tắc về đạo đức, xã hội trong việc sử dụng CNTT và truyền thông.

- Đạt chuẩn công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Bộ GD&ĐT và Bộ CNTT. Sử dụng hiệu quả CNTT và truyền thông trong dạy học và nghiên cứu.

- Đạt chứng chỉ B1 (hoặc tương đương) về trình độ ngoại ngữ. Sử dụng được ngoại ngữ trong giao tiếp và học tập chuyên ngành.

PLO2.6. Năng lực khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác

- Thể hiện được hiểu biết của bản thân về lĩnh vực khởi nghiệp.

- Phân tích được thị trường lao động, đặc biệt là trong lĩnh vực giáo dục.

- Hình thành ý tưởng khởi nghiệp, dự đoán được những thuận lợi và khó khăn khi tiến hành khởi nghiệp.

3. Năng lực chuyên môn

PLO3.1. Năng lực đặc thù của khoa học chuyên ngành

- Hiểu biết được những kiến thức khoa học thuộc chuyên ngành ngôn ngữ học, văn học, phương pháp dạy học Ngữ văn.

- Liên hệ được kiến thức chuyên ngành với kiến thức môn học Ngữ văn ở phổ thông.

- Vận dụng được kiến thức khoa học chuyên ngành trong hoạt động nghề nghiệp và thực tiễn.

PLO3.2. Năng lực phát triển chương trình môn học

- Hiểu rõ và thực hiện được phát triển chương trình môn học.

- Thiết kế được kế hoạch phát triển chương trình môn học.

- Đánh giá được những ưu và hạn chế của chương trình môn học và đề xuất được giải pháp phù hợp.

PLO3.3. Năng lực vận dụng tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học chuyên ngành

- Vận dụng được những tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học chuyên ngành trong mối liên hệ với thực tiễn giáo dục phổ thông.

- Phân tích được những tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học chuyên ngành trong mối liên hệ với thực tiễn giáo dục phổ thông.

- Đánh giá được những tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học chuyên ngành trong mối liên hệ với thực tiễn giáo dục phổ thông.

PLO3.4. Năng lực nghiên cứu khoa học giáo dục chuyên ngành

- Phát hiện vấn đề nghiên cứu khoa học giáo dục chuyên ngành
- Triển khai được vấn đề nghiên cứu khoa học giáo dục chuyên ngành.
- Đánh giá được vấn đề nghiên cứu khoa học giáo dục chuyên ngành và vận dụng được trong học tập.

4. Năng lực nghề nghiệp

PLO4.1. Năng lực dạy học và giáo dục

- Vận dụng được kiến thức khoa học chuyên ngành, lí luận dạy học và phương pháp dạy học và tài liệu giáo khoa vào việc xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.
- Vận dụng được các hình thức, phương pháp, công cụ kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.
- Xây dựng được môi trường giáo dục tích cực nhằm tạo động lực học tập, rèn luyện cho người học.

PLO4.2. Năng lực định hướng sự phát triển của người học

- Tiếp cận và hiểu được người học.
- Đánh giá được xu hướng phát triển của người học.
- Xây dựng được kế hoạch bồi dưỡng, tư vấn, hỗ trợ hướng đến sự phát triển toàn diện của người học.

PLO4.3. Năng lực phát triển nghề nghiệp

- Đánh giá và có kế hoạch phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của bản thân.
- Cập nhật kịp thời yêu cầu đổi mới về kiến thức chuyên môn và nghiệp vụ nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

PLO4.4. Năng lực hoạt động xã hội

- Tham gia và vận động được người khác tham gia tích cực các hoạt động xã hội.
- Tổ chức được các hoạt động xã hội trong trường học và cộng đồng.

II. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Giảng dạy Ngữ văn tại các trường THCS, THPT;
- Giảng dạy ngôn ngữ, giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài;
- Tham gia nghiên cứu tại các trung tâm nghiên cứu khoa học thuộc các lĩnh vực liên quan: KHXH-NV, KHGD;
- Làm chuyên viên tại các trung tâm nghiên cứu, sáng tác văn học, các Vụ, Viện nghiên cứu KHXH và KHGD.

III. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Người tốt nghiệp có thể tiếp tục học thạc sĩ và tiến sĩ trong và ngoài nước.

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHUẨN ĐẦU RA

Ngành đào tạo: **Sư phạm Lịch sử**
(*History Teacher Education*)
Mã ngành: 7140218
Trình độ đào tạo: Đại học
Loại hình đào tạo: Chính quy

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3451 /QĐ-ĐHSP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế)

I. Chuẩn đầu ra về phẩm chất và năng lực

1. Phẩm chất nghề nghiệp

PLO1.1. Phẩm chất chính trị và trách nhiệm công dân

- Chấp hành tốt các chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách pháp luật của Nhà nước; các quy định của ngành Giáo dục; các nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo.

- Tham gia tích cực, có hiệu quả các hoạt động chính trị xã hội tại cơ sở giáo dục và nơi cư trú.

- Vận động và cổ vũ lối sống lành mạnh; phê phán hành vi vi phạm đạo đức, vi phạm pháp luật.

PLO1.2. Đạo đức và phong cách nhà giáo

- Nhận thức đầy đủ và có hàng động đúng với những chuẩn mực đạo đức và tác phong nhà giáo.

- Đánh giá được những biểu hiện phù hợp/không phù hợp với đạo đức và tác phong của nhà giáo.

- Nỗ lực tự học, trau dồi kiến thức, kỹ năng và đạo đức nghề nghiệp.

2. Năng lực chung

PLO2.1. Năng lực tự học và thích ứng với sự thay đổi

- Thiết kế được kế hoạch tự học và thực hành được các kỹ năng tự học cần thiết để hoàn thiện bản thân.

- Phân tích được kinh nghiệm và sự hiểu biết của bản thân để thích ứng được với sự thay đổi trong hoạt động nghề nghiệp.

- Thể hiện được những cách thức làm việc đa dạng với những đối tượng người học khác nhau; xây dựng cộng đồng học tập.

PLO2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác

- Sử dụng thuần thục, hiệu quả tiếng Việt trong giao tiếp và hợp tác.

- Vận dụng được các phương pháp và kỹ thuật phù hợp trong giao tiếp và hợp tác.

- Đánh giá được hiệu quả hợp tác trong giải quyết các nhiệm vụ.

PLO2.3. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Phát hiện và giải quyết được các vấn đề trong học tập và cuộc sống.

- Đánh giá được cách thức giải quyết hiệu quả các vấn đề nảy sinh trong bối cảnh mới.

- Đưa ra được cách thức giải quyết mới, phù hợp với bối cảnh thực tiễn.

PLO2.4. Năng lực tư duy phản biện

- Nhận diện và phân tích được tính lôgic của một vấn đề.

- Đưa ra được lập luận và bằng chứng thuyết phục để bảo vệ ý kiến/quan điểm của mình trong thảo luận/tranh luận.

- Thống nhất được các cách lý giải khác nhau thành một kết luận có tính thuyết phục.

PLO2.5. Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong hoạt động nghề nghiệp

- Tuân thủ các quy định của pháp luật, các quy tắc về đạo đức, xã hội trong việc sử dụng CNTT và truyền thông.

- Đạt chuẩn công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Bộ GD&ĐT và Bộ CNTT. Sử dụng hiệu quả CNTT và truyền thông trong dạy học và nghiên cứu.

- Đạt chứng chỉ B1 (hoặc tương đương) về trình độ ngoại ngữ. Sử dụng được ngoại ngữ trong giao tiếp và học tập chuyên ngành.

PLO2.6. Năng lực khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác

- Thể hiện được hiểu biết của bản thân về lĩnh vực khởi nghiệp.

- Phân tích được thị trường lao động, đặc biệt là trong lĩnh vực giáo dục.

- Hình thành ý tưởng khởi nghiệp, dự đoán được những thuận lợi và khó khăn khi tiến hành khởi nghiệp.

3. Năng lực chuyên môn

PLO3.1. Năng lực đặc thù của khoa học chuyên ngành

- Trình bày được những kiến thức cơ bản thuộc khoa học lịch sử và khoa học giáo dục lịch sử.

- Vận dụng được kiến thức khoa học chuyên ngành trong giảng dạy và nghiên cứu lịch sử.

- Phân tích, đánh giá được các sự kiện, hiện tượng lịch sử và rút ra được các bài học/ kinh nghiệm để vận dụng vào thực tiễn cuộc sống.

PLO3.2. Năng lực phát triển chương trình môn học

- Trình bày được cấu trúc và mục tiêu của chương trình môn Lịch sử.

- Thiết kế được kế hoạch phát triển chương trình môn Lịch sử theo hướng hiện đại, đáp ứng yêu cầu cập nhật chương trình lịch sử phổ thông.

- Đánh giá được những ưu điểm, hạn chế của chương trình môn học và đề xuất được giải pháp để phát triển chương trình đào tạo tiên tiến.

PLO3.3. Năng lực vận dụng tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học chuyên ngành

- Vận dụng được những tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học lịch sử, khoa học giáo dục lịch sử trong mối liên hệ với dạy học ở phổ thông và thực tiễn hoạt động nghề nghiệp.

- Phân tích được những tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học lịch sử trong đánh giá chất lượng dạy học của bản thân và đồng nghiệp.

- Đánh giá, lựa chọn và kết hợp được những tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học lịch sử trong việc biên soạn tài liệu dạy - học, thực hiện kế hoạch dạy học và phát triển chương trình môn Lịch sử theo yêu cầu của xã hội.

PLO3.4. Năng lực nghiên cứu khoa học giáo dục chuyên ngành

- Phát hiện và đề xuất được vấn đề nghiên cứu thuộc khoa học lịch sử với nhiều cấp độ, mục tiêu nghiên cứu khác nhau.

- Vận dụng hiệu quả các phương pháp nghiên cứu phù hợp để hoàn thành được vấn đề nghiên cứu/ đề tài nghiên cứu.

- Đánh giá được vấn đề nghiên cứu khoa học giáo dục lịch sử và vận dụng được trong học tập, tự bồi dưỡng.

4. Năng lực nghề nghiệp

PLO4.1. Năng lực dạy học và giáo dục

- Vận dụng được kiến thức khoa học chuyên ngành, lí luận dạy học và phương pháp dạy học và tài liệu giáo khoa vào việc xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.

- Vận dụng được các hình thức, phương pháp, công cụ kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.

- Xây dựng được môi trường giáo dục tích cực nhằm tạo động lực học tập, rèn luyện cho người học.

PLO4.2. Năng lực định hướng sự phát triển của người học

- Tiếp cận và hiểu được người học.

- Đánh giá được xu hướng phát triển của người học.

- Xây dựng được kế hoạch bồi dưỡng, tư vấn, hỗ trợ hướng đến sự phát triển toàn diện của người học.

PLO4.3. Năng lực phát triển nghề nghiệp

- Đánh giá và có kế hoạch phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của bản thân.

- Cập nhật kịp thời yêu cầu đổi mới về kiến thức chuyên môn và nghiệp vụ nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

PLO4.4. Năng lực hoạt động xã hội

- Tham gia và vận động được người khác tham gia tích cực các hoạt động xã hội.

- Tổ chức được các hoạt động xã hội trong trường học và cộng đồng.

II. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, các cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử có khả năng:

- Làm giáo viên dạy môn Lịch sử, Lịch sử - Địa lý tại các trường THCS, THPT.

- Nghiên cứu và giảng dạy Lịch sử thế giới, Lịch sử Việt Nam, Lý luận và Phương pháp dạy học Lịch sử tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp.

- Có thể làm chuyên viên nghiên cứu tại các trung tâm, viện nghiên cứu thuộc lĩnh vực khoa học xã hội hoặc khoa học giáo dục.

- Làm việc tại các cơ quan, ban ngành, đoàn thể, tổ chức có liên quan đến lịch sử, văn hóa thông tin, xã hội, giáo dục, chính trị, quân sự, du lịch....

III. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Có khả năng tự học, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

- Có khả năng tự đánh giá, tự rèn luyện nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy học và giáo dục; phát hiện và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp nhằm đáp ứng những yêu cầu mới của xã hội.

- Có khả năng tiếp tục học tập để đạt thêm chương trình Cử nhân Khoa học Lịch sử, chương trình Cử nhân Sư phạm Lịch sử - Địa lý, Cử nhân Sư phạm Địa lý, Cử nhân Lịch sử - Du lịch và nghiên cứu chuyên môn ở trình độ Thạc sỹ và Tiến sỹ thuộc các chuyên ngành Lịch sử Việt Nam, Lịch sử thế giới, Lý luận và PPDH bộ môn Lịch sử.

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHUẨN ĐẦU RA

Ngành đào tạo: **Sư phạm Địa lý**
(*Geography Teacher Education*)
Mã ngành: 7140218
Trình độ đào tạo: Đại học
Loại hình đào tạo: Chính quy

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3457/QĐ-ĐHSP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế)

I. Chuẩn đầu ra về phẩm chất và năng lực

1. Phẩm chất nghề nghiệp

PLO1.1. Phẩm chất chính trị và trách nhiệm công dân

- Chấp hành tốt các chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách pháp luật của Nhà nước; các quy định của ngành Giáo dục; các nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo.

- Tham gia tích cực, có hiệu quả các hoạt động chính trị xã hội tại cơ sở giáo dục và nơi cư trú.

- Vận động và cổ vũ lối sống lành mạnh; phê phán hành vi vi phạm đạo đức, vi phạm pháp luật.

PLO1.2. Đạo đức và phong cách nhà giáo

- Nhận thức đầy đủ và có hàng động đúng với những chuẩn mực đạo đức và tác phong nhà giáo.

- Đánh giá được những biểu hiện phù hợp/không phù hợp với đạo đức và tác phong của nhà giáo.

- Nỗ lực tự học, trau dồi kiến thức, kỹ năng và đạo đức nghề nghiệp.

2. Năng lực chung

PLO2.1. Năng lực tự học và thích ứng với sự thay đổi

- Thiết kế được kế hoạch tự học và thực hành được các kỹ năng tự học cần thiết để hoàn thiện bản thân.

- Phân tích được kinh nghiệm và sự hiểu biết của bản thân để thích ứng được với sự thay đổi trong hoạt động nghề nghiệp.

- Thể hiện được những cách thức làm việc đa dạng với những đối tượng người học khác nhau; xây dựng cộng đồng học tập.

PLO2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác

- Sử dụng thuần thục, hiệu quả tiếng Việt trong giao tiếp và hợp tác.

- Vận dụng được các phương pháp và kỹ thuật phù hợp trong giao tiếp và hợp tác.

- Đánh giá được hiệu quả hợp tác trong giải quyết các nhiệm vụ.

PLO2.3. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Phát hiện và giải quyết được các vấn đề trong học tập và cuộc sống.

- Đánh giá được cách thức giải quyết hiệu quả các vấn đề nảy sinh trong bối cảnh mới.

- Đưa ra được cách thức giải quyết mới, phù hợp với bối cảnh thực tiễn.

PLO2.4. Năng lực tư duy phản biện

- Nhận diện và phân tích được tính lôgic của một vấn đề.

- Đưa ra được lập luận và bằng chứng thuyết phục để bảo về ý kiến/quan điểm của mình trong thảo luận/tranh luận.

- Thống nhất được các cách lý giải khác nhau thành một kết luận có tính thuyết phục.

PLO2.5. Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong hoạt động nghề nghiệp

- Tuân thủ các quy định của pháp luật, các quy tắc về đạo đức, xã hội trong việc sử dụng CNTT và truyền thông.

- Đạt chuẩn công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Bộ GD&ĐT và Bộ CNTT. Sử dụng hiệu quả CNTT và truyền thông trong dạy học và nghiên cứu.

- Đạt chứng chỉ B1 (hoặc tương đương) về trình độ ngoại ngữ. Sử dụng được ngoại ngữ trong giao tiếp và học tập chuyên ngành.

PLO2.6. Năng lực khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác

- Thể hiện được hiểu biết của bản thân về lĩnh vực khởi nghiệp.

- Phân tích được thị trường lao động, đặc biệt là trong lĩnh vực giáo dục.

- Hình thành ý tưởng khởi nghiệp, dự đoán được những thuận lợi và khó khăn khi tiến hành khởi nghiệp.

3. Năng lực chuyên môn

PLO3.1. Năng lực đặc thù của khoa học chuyên ngành

- Hiểu biết được những kiến thức khoa học thuộc chuyên ngành Địa lý.

- Liên hệ được kiến thức chuyên ngành Địa lý với kiến thức môn học ở phổ thông.

- Vận dụng được kiến thức khoa học chuyên ngành trong giảng dạy và nghiên cứu.

PLO3.2. Năng lực phát triển chương trình môn học

- Hiểu rõ và thực hiện được phát triển chương trình môn học.

- Thiết kế được kế hoạch phát triển chương trình môn học.

- Đánh giá được những ưu và hạn chế của chương trình môn học và đề xuất được giải pháp phù hợp.

PLO3.3. Năng lực vận dụng tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học chuyên ngành

- Vận dụng được những tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học chuyên ngành trong mối liên hệ với thực tiễn giáo dục phổ thông.

- Phân tích được những tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học chuyên ngành trong mối liên hệ với thực tiễn giáo dục phổ thông.

- Đánh giá được những tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học chuyên ngành trong mối liên hệ với thực tiễn giáo dục phổ thông.

PLO3.4. Năng lực nghiên cứu khoa học giáo dục chuyên ngành

- Phát hiện vấn đề nghiên cứu khoa học giáo dục chuyên ngành

- Triển khai được vấn đề nghiên cứu khoa học giáo dục chuyên ngành.

- Đánh giá được vấn đề nghiên cứu khoa học giáo dục chuyên ngành và vận dụng được trong học tập.

4. Năng lực nghề nghiệp

PLO4.1. Năng lực dạy học và giáo dục

- Vận dụng được kiến thức khoa học chuyên ngành, lí luận dạy học và phương pháp dạy học và tài liệu giáo khoa vào việc xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.

- Vận dụng được các hình thức, phương pháp, công cụ kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.

- Xây dựng được môi trường giáo dục tích cực nhằm tạo động lực học tập, rèn luyện cho người học.

PLO4.2. Năng lực định hướng sự phát triển của người học

- Tiếp cận và hiểu được người học.

- Đánh giá được xu hướng phát triển của người học.

- Xây dựng được kế hoạch bồi dưỡng, tư vấn, hỗ trợ hướng đến sự phát triển toàn diện của người học.

PLO4.3. Năng lực phát triển nghề nghiệp

- Đánh giá và có kế hoạch phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của bản thân.

- Cập nhật kịp thời yêu cầu đổi mới về kiến thức chuyên môn và nghiệp vụ nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

PLO4.4. Năng lực hoạt động xã hội

- Tham gia và vận động được người khác tham gia tích cực các hoạt động xã hội.

- Tổ chức được các hoạt động xã hội trong trường học và cộng đồng.

II. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Giáo viên giảng dạy môn Địa lý ở các trường THPT và THCS.

- Giáo viên giảng dạy môn Địa lý ở các trường trung cấp, cao đẳng và đại học.

- Có thể đảm nhận công việc của các tổ chức xã hội trong và ngoài nước trong các lĩnh vực liên quan đến địa lý tự nhiên: quy hoạch lãnh thổ, quản lý tài nguyên môi trường.

- Có thể đảm nhận công việc của các tổ chức xã hội trong và ngoài nước trong các lĩnh vực liên quan đến địa lý kinh tế - xã hội: các dự án dân số, phát triển nông thôn, đô thị hóa…

- Có khả năng tìm kiếm việc làm ở các viện, trung tâm nghiên cứu về lĩnh vực môi trường, tài nguyên, dân số, du lịch, phát triển kinh tế - xã hội khu vực.

III. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Có khả năng tự học, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

- Có khả năng tự đánh giá, tự rèn luyện nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy học và giáo dục; phát hiện và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp nhằm đáp ứng những yêu cầu mới.

- Có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu chuyên môn ở trình độ thạc sỹ và tiến sỹ thuộc các chuyên ngành Địa lý.

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHUẨN ĐẦU RA

Ngành đào tạo: **Sư phạm Âm nhạc**
(Music *Teacher Education*)
Mã ngành: 7140221
Trình độ đào tạo: Đại học
Loại hình đào tạo: Chính quy

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3451/QĐ-ĐHSP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế)

I. Chuẩn đầu ra về phẩm chất và năng lực

1. Phẩm chất nghề nghiệp

PLO1.1. Phẩm chất chính trị và trách nhiệm công dân

- Chấp hành tốt các chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách pháp luật của Nhà nước; các quy định của ngành Giáo dục; các nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo.

- Tham gia tích cực, có hiệu quả các hoạt động chính trị xã hội tại cơ sở giáo dục và nơi cư trú.

- Vận động và cổ vũ lối sống lành mạnh; phê phán hành vi vi phạm đạo đức, vi phạm pháp luật.

PLO1.2. Đạo đức và phong cách nhà giáo

- Nhận thức đầy đủ và có hàng động đúng với những chuẩn mực đạo đức và tác phong nhà giáo.

- Đánh giá được những biểu hiện phù hợp/không phù hợp với đạo đức và tác phong của nhà giáo.

- Nỗ lực tự học, trau dồi kiến thức, kỹ năng và đạo đức nghề nghiệp.

2. Năng lực chung

PLO2.1. Năng lực tự học và thích ứng với sự thay đổi

- Thiết kế được kế hoạch tự học và thực hành được các kỹ năng tự học cần thiết để hoàn thiện bản thân.

- Phân tích được kinh nghiệm và sự hiểu biết của bản thân để thích ứng được với sự thay đổi trong hoạt động nghề nghiệp.

- Thể hiện được những cách thức làm việc đa dạng với những đối tượng người học khác nhau; xây dựng cộng đồng học tập.

PLO2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác

- Sử dụng thuần thục, hiệu quả tiếng Việt trong giao tiếp và hợp tác.

- Vận dụng được các phương pháp và kỹ thuật phù hợp trong giao tiếp và hợp tác.

- Đánh giá được hiệu quả hợp tác trong giải quyết các nhiệm vụ.

PLO2.3. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Phát hiện và giải quyết được các vấn đề trong học tập và cuộc sống.

- Đánh giá được cách thức giải quyết hiệu quả các vấn đề nảy sinh trong bối cảnh mới.

- Đưa ra được cách thức giải quyết mới, phù hợp với bối cảnh thực tiễn.

PLO2.4. Năng lực tư duy phản biện

- Nhận diện và phân tích được tính lôgic của một vấn đề.

- Đưa ra được lập luận và bằng chứng thuyết phục để bảo về ý kiến/quan điểm của mình trong thảo luận/tranh luận.

- Thống nhất được các cách lý giải khác nhau thành một kết luận có tính thuyết phục.

PLO2.5. Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong hoạt động nghề nghiệp

- Tuân thủ các quy định của pháp luật, các quy tắc về đạo đức, xã hội trong việc sử dụng CNTT và truyền thông.

- Đạt chuẩn công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Bộ GD&ĐT và Bộ CNTT. Sử dụng hiệu quả CNTT và truyền thông trong dạy học và nghiên cứu.

- Đạt chứng chỉ B1 (hoặc tương đương) về trình độ ngoại ngữ. Sử dụng được ngoại ngữ trong giao tiếp và học tập chuyên ngành.

PLO2.6. Năng lực khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác

- Thể hiện được hiểu biết của bản thân về lĩnh vực khởi nghiệp.

- Phân tích được thị trường lao động, đặc biệt là trong lĩnh vực giáo dục.

- Hình thành ý tưởng khởi nghiệp, dự đoán được những thuận lợi và khó khăn khi tiến hành khởi nghiệp.

3. Năng lực chuyên môn

PLO3.1. Năng lực đặc thù của khoa học chuyên ngành

- Hiểu biết được những kiến thức khoa học thuộc chuyên ngành âm nhạc

- Liên hệ được kiến thức chuyên ngành với kiến thức môn học âm nhạc ở phổ thông.

- Vận dụng được kiến thức khoa học chuyên ngành trong hoạt động nghề nghiệp và thực tiễn.

PLO3.2. Năng lực phát triển chương trình môn học

- Hiểu rõ và thực hiện được phát triển chương trình môn học.

- Thiết kế được kế hoạch phát triển chương trình môn học.

- Đánh giá được những ưu và hạn chế của chương trình môn học và đề xuất được giải pháp phù hợp.

PLO3.3. Năng lực vận dụng tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học chuyên ngành

- Vận dụng được những tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học chuyên ngành trong mối liên hệ với thực tiễn giáo dục phổ thông.

- Phân tích được những tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học chuyên ngành trong mối liên hệ với thực tiễn giáo dục phổ thông.

- Đánh giá được những tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học chuyên ngành trong mối liên hệ với thực tiễn giáo dục phổ thông.

PLO3.4. Năng lực nghiên cứu khoa học giáo dục chuyên ngành

- Phát hiện vấn đề nghiên cứu khoa học giáo dục chuyên ngành

- Triển khai được vấn đề nghiên cứu khoa học giáo dục chuyên ngành.

- Đánh giá được vấn đề nghiên cứu khoa học giáo dục chuyên ngành và vận dụng được trong học tập.

4. Năng lực nghề nghiệp

PLO4.1. Năng lực dạy học và giáo dục

- Vận dụng được kiến thức khoa học chuyên ngành, lí luận dạy học và phương pháp dạy học và tài liệu giáo khoa vào việc xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.

- Vận dụng được các hình thức, phương pháp, công cụ kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.

- Xây dựng được môi trường giáo dục tích cực nhằm tạo động lực học tập, rèn luyện cho người học.

PLO4.2. Năng lực định hướng sự phát triển của người học

- Tiếp cận và hiểu được người học.

- Đánh giá được xu hướng phát triển của người học.

- Xây dựng được kế hoạch bồi dưỡng, tư vấn, hỗ trợ hướng đến sự phát triển toàn diện của người học.

PLO4.3. Năng lực phát triển nghề nghiệp

- Đánh giá và có kế hoạch phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của bản thân.

- Cập nhật kịp thời yêu cầu đổi mới về kiến thức chuyên môn và nghiệp vụ nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

PLO4.4. Năng lực hoạt động xã hội

- Tham gia và vận động được người khác tham gia tích cực các hoạt động xã hội.

- Tổ chức được các hoạt động xã hội trong trường học và cộng đồng.

II. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Có trình độ chuyên môn và khả năng thực hành để giảng dạy âm nhạc ở các bậc học phổ thông, các Trường Sư phạm và các trường Văn hóa nghệ thuật.

- Đáp ứng được công tác nghiên cứu ở các Vụ, Viện, Trung tâm nghiên cứu hoặc các cơ quan, đoàn thể xã hội cần sử dụng hoặc có liên quan đến chuyên môn âm nhạc và giáo dục âm nhạc.

- Có khả năng quản lý và tổ chức hoạt động phong trào ở các cơ quan văn hóa.

III. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Có đủ khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu chuyên môn ở trình độ sau Đại học.

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHUẨN ĐẦU RA

Ngành đào tạo: **Sư phạm Công nghệ**
(*Technology Teacher Education*)
Mã ngành: 7140246
Trình độ đào tạo: Đại học
Loại hình đào tạo: Chính quy

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3491/QĐ-ĐHSP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế)

I. Chuẩn đầu ra về phẩm chất và năng lực

1. Phẩm chất nghề nghiệp

PLO1.1. Phẩm chất chính trị và trách nhiệm công dân

+ Chấp hành tốt các chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách pháp luật của Nhà nước; các quy định của ngành Giáo dục; các nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo.

+ Tham gia tích cực, có hiệu quả các hoạt động chính trị xã hội tại cơ sở giáo dục và nơi cư trú.

+ Vận động và cổ vũ lối sống lành mạnh; phê phán hành vi vi phạm đạo đức, vi phạm pháp luật.

PLO1.2. Đạo đức và phong cách nhà giáo

+ Nhận thức đầy đủ và có hàng động đúng với những chuẩn mực đạo đức và tác phong nhà giáo.

+ Đánh giá được những biểu hiện phù hợp/không phù hợp với đạo đức và tác phong của nhà giáo

+ Nỗ lực tự học, trau dồi kiến thức, kỹ năng và đạo đức nghề nghiệp.

2. Năng lực chung

PLO2.1. Năng lực tự học và thích ứng với sự thay đổi hoạt động nghề nghiệp

+ Thiết kế được kế hoạch tự học và thực hành được các kỹ năng tự học cần thiết để hoàn thiện bản thân.

+ Phân tích được kinh nghiệm và sự hiểu biết của bản thân để thích ứng được với sự thay đổi trong hoạt động nghề nghiệp.

+ Thể hiện được những cách thức làm việc đa dạng với những đối tượng người học khác nhau; xây dựng cộng đồng học tập.

PLO2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác

+ Sử dụng thuần thục, hiệu quả tiếng Việt trong giao tiếp và hợp tác.

+ Vận dụng được các phương pháp và kỹ thuật phù hợp trong giao tiếp và hợp tác.

+ Đánh giá được hiệu quả hợp tác trong giải quyết các nhiệm vụ.

PLO2.3. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

+ Phát hiện và giải quyết được các vấn đề trong học tập và cuộc sống.

+ Đánh giá được cách thức giải quyết hiệu quả các vấn đề nảy sinh trong bối cảnh mới.

+ Đưa ra được cách thức giải quyết mới, phù hợp với bối cảnh thực tiễn.

PLO2.4. Năng lực tư duy phản biện

+ Nhận diện và phân tích được tính lôgic của một vấn đề.

+ Đưa ra được lập luận và bằng chứng thuyết phục để bảo về ý kiến/quan điểm của mình trong thảo luận/tranh luận.

+ Thống nhất được các cách lý giải khác nhau thành một kết luận có tính thuyết phục.

PLO2.5. Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong hoạt động nghề nghiệp

+ Tuân thủ các quy định của pháp luật, các quy tắc về đạo đức, xã hội trong việc sử dụng CNTT và truyền thông.

+ Đạt chuẩn CNTT cơ bản theo quy định của Bộ GD&ĐT và Bộ TT&TT. Sử dụng hiệu quả CNTT và truyền thông trong dạy học và nghiên cứu.

+ Đạt chứng chỉ B1 (hoặc tương đương) về trình độ ngoại ngữ. Sử dụng được ngoại ngữ trong giao tiếp và học tập chuyên ngành.

PLO2.6. Năng lực khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác

+ Thể hiện được hiểu biết của bản thân về lĩnh vực khởi nghiệp.

+ Phân tích được thị trường lao động, đặc biệt là trong lĩnh vực giáo dục.

+ Hình thành ý tưởng khởi nghiệp, dự đoán được những thuận lợi và khó khăn khi tiến hành khởi nghiệp.

3. Năng lực chuyên môn

PLO3.1. Năng lực đặc thù của khoa học chuyên ngành

+ Hiểu được những kiến thức khoa học thuộc chuyên ngành công nghệ

+ Liên hệ được kiến thức chuyên ngành công nghệ với kiến thức môn học ở phổ thông.

+ Vận dụng được kiến thức khoa học chuyên ngành trong giảng dạy và nghiên cứu.

PLO3.2. Năng lực phát triển chương trình môn học

+ Hiểu được và vận dụng được trong việc phát triển chương trình môn học.

+ Thiết kế được kế hoạch phát triển chương trình môn học.

+ Đánh giá được những ưu và hạn chế của chương trình môn học và đề xuất được giải pháp.

PLO3.3. Năng lực vận dụng tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học chuyên ngành

+ Vận dụng được những tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học chuyên ngành trong mối liên hệ với thực tiễn giáo dục phổ thông.

+ Phân tích được những tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học chuyên ngành trong mối liên hệ với thực tiễn giáo dục phổ thông.

+ Đánh giá được những tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học chuyên ngành trong mối liên hệ với thực tiễn giáo dục phổ thông.

PLO3.4. Năng lực nghiên cứu khoa học giáo dục chuyên ngành

+ Phát hiện vấn đề nghiên cứu khoa học giáo dục chuyên ngành

+ Triển khai được vấn đề nghiên cứu khoa học giáo dục chuyên ngành,

+ Đánh giá được vấn đề nghiên cứu khoa học giáo dục chuyên ngành và vận dụng được trong học tập.

4. Năng lực nghề nghiệp

PLO4.1. Năng lực dạy học và giáo dục

+ Vận dụng được kiến thức khoa học chuyên ngành, lí luận dạy học và phương pháp dạy học và tài liệu giáo khoa vào việc xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.

+ Vận dụng được các hình thức, phương pháp, công cụ kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.

+ Xây dựng được môi trường giáo dục tích cực nhằm tạo động lực học tập, rèn luyện cho người học.

PLO4.2. Năng lực định hướng sự phát triển của người học

+ Tiếp cận và hiểu được người học.

+ Đánh giá được xu hướng phát triển của người học.

+ Xây dựng được kế hoạch bồi dưỡng, tư vấn, hỗ trợ hướng đến sự phát triển toàn diện của người học.

PLO4.3. Năng lực phát triển nghề nghiệp

+ Đánh giá và có kế hoạch phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của bản thân.

+ Cập nhật kịp thời yêu cầu đổi mới về kiến thức chuyên môn và nghiệp vụ nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

PLO4.4. Năng lực hoạt động xã hội

+ Tham gia và vận động được người khác tham gia tích cực các hoạt động xã hội.

+ Tổ chức được các hoạt động xã hội trong trường học và cộng đồng.

II. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Giảng dạy Công nghệ tại các trường Tiểu học, THCS, THPT;
- Giảng dạy Công nghệ tại các trường cao đẳng, đại học;
- Làm việc tại các công ty phần mềm và công nghệ cao;
- Nghiên cứu tại các trung tâm, các viện nghiên cứu liên quan đến các lĩnh vực thuộc Công nghệ và khoa học ứng dụng

III. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Tiếp tục học thạc sĩ ở trong và ngoài nước các chuyên ngành công nghệ và các chuyên ngành gần liên quan đến công nghệ;
- Tiếp tục học nghiên cứu sinh các chuyên ngành công nghệ và chuyên ngành gần với công nghệ ở trong và ngoài nước.

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHUẨN ĐẦU RA

Ngành đào tạo: **Sư phạm Khoa học tự nhiên**
(Natural Science Teacher Education)
Mã ngành: 7140247
Trình độ đào tạo: Đại học
Loại hình đào tạo: Chính quy

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3451/QĐ-ĐHSP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế)

I. Chuẩn đầu ra về phẩm chất và năng lực

1. Phẩm chất nghề nghiệp

PLO1.1. Phẩm chất chính trị và trách nhiệm công dân

- Chấp hành tốt các chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách pháp luật của Nhà nước; các quy định của ngành Giáo dục; các nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo.
- Tham gia tích cực, có hiệu quả các hoạt động chính trị xã hội tại cơ sở giáo dục và nơi cư trú.
- Vận động và cổ vũ lối sống lành mạnh; phê phán hành vi vi phạm đạo đức, vi phạm pháp luật.

PLO1.2. Đạo đức và phong cách nhà giáo

- Nhận thức đầy đủ và có hàng động đúng với những chuẩn mực đạo đức và tác phong nhà giáo.
- Đánh giá được những biểu hiện phù hợp/ không phù hợp với đạo đức và tác phong của nhà giáo.
- Nỗ lực tự học, trau dồi kiến thức, kỹ năng và đạo đức nghề nghiệp.

2. Năng lực chung

PLO2.1. Năng lực tự học và thích ứng với sự thay đổi

- Thiết kế được kế hoạch tự học và thực hành được các kỹ năng tự học cần thiết để hoàn thiện bản thân.
- Phân tích được kinh nghiệm và sự hiểu biết của bản thân để thích ứng được với sự thay đổi trong hoạt động nghề nghiệp.
- Thể hiện được những cách thức làm việc đa dạng với những đối tượng người học khác nhau; xây dựng cộng đồng học tập.

PLO2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác

- Sử dụng thuần thục, hiệu quả tiếng Việt trong giao tiếp và hợp tác.
- Vận dụng được các phương pháp và kỹ thuật phù hợp trong giao tiếp và hợp tác.
- Đánh giá được hiệu quả hợp tác trong giải quyết các nhiệm vụ.

PLO2.3. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Phát hiện và giải quyết được các vấn đề trong học tập và cuộc sống.

- Đánh giá được cách thức giải quyết hiệu quả các vấn đề nảy sinh trong bối cảnh mới.

- Đưa ra được cách thức giải quyết mới, phù hợp với bối cảnh thực tiễn.

PLO2.4. Năng lực tư duy phản biện

- Nhận diện và phân tích được tính lôgic của một vấn đề.

- Đưa ra được lập luận và bằng chứng thuyết phục để bảo về ý kiến/quan điểm của mình trong thảo luận/tranh luận.

- Thống nhất được các cách lý giải khác nhau thành một kết luận có tính thuyết phục.

PLO2.5. Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong hoạt động nghề nghiệp

- Tuân thủ các quy định của pháp luật, các quy tắc về đạo đức, xã hội trong việc sử dụng CNTT và truyền thông.

- Đạt chuẩn công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Bộ GD&ĐT và Bộ CNTT. Sử dụng hiệu quả CNTT và truyền thông trong dạy học và nghiên cứu.

- Đạt chứng chỉ B1 (hoặc tương đương) về trình độ ngoại ngữ. Sử dụng được ngoại ngữ trong giao tiếp và học tập chuyên ngành.

PLO2.6. Năng lực khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác

- Thể hiện được hiểu biết của bản thân về lĩnh vực khởi nghiệp.

- Phân tích được thị trường lao động, đặc biệt là trong lĩnh vực giáo dục.

- Hình thành ý tưởng khởi nghiệp, dự đoán được những thuận lợi và khó khăn khi tiến hành khởi nghiệp.

3. Năng lực chuyên môn

PLO3.1. Năng lực đặc thù của khoa học chuyên ngành

- Hiểu biết được những kiến thức khoa học thuộc chuyên ngành Khoa học Tự nhiên.

- Liên hệ được kiến thức chuyên ngành Khoa học Tự nhiên với kiến thức môn học ở phổ thông.

- Vận dụng được kiến thức khoa học chuyên ngành trong giảng dạy và nghiên cứu.

PLO3.2. Năng lực phát triển chương trình môn học

- Hiểu rõ và thực hiện được phát triển chương trình môn học.

- Thiết kế được kế hoạch phát triển chương trình môn học.

- Đánh giá được những ưu và hạn chế của chương trình môn học và đề xuất được giải pháp.

PLO3.3. Năng lực vận dụng tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học chuyên ngành

- Vận dụng được những tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học chuyên ngành trong mối liên hệ với thực tiễn giáo dục phổ thông.

- Phân tích được những tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học chuyên ngành trong mối liên hệ với thực tiễn giáo dục phổ thông.

- Đánh giá được những tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học chuyên ngành trong mối liên hệ với thực tiễn giáo dục phổ thông.

PLO3.4. Năng lực nghiên cứu khoa học giáo dục chuyên ngành

- Phát hiện vấn đề nghiên cứu khoa học giáo dục chuyên ngành

- Triển khai được vấn đề nghiên cứu khoa học giáo dục chuyên ngành.

- Đánh giá được vấn đề nghiên cứu khoa học giáo dục chuyên ngành và vận dụng được trong học tập.

4. Năng lực nghề nghiệp

PLO4.1. Năng lực dạy học và giáo dục

- Vận dụng được kiến thức khoa học chuyên ngành, lí luận dạy học và phương pháp dạy học và tài liệu giáo khoa vào việc xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.

- Vận dụng được các hình thức, phương pháp, công cụ kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.

- Xây dựng được môi trường giáo dục tích cực nhằm tạo động lực học tập, rèn luyện cho người học.

PLO4.2. Năng lực định hướng sự phát triển của người học

- Tiếp cận và hiểu được người học.

- Đánh giá được xu hướng phát triển của người học.

- Xây dựng được kế hoạch bồi dưỡng, tư vấn, hỗ trợ hướng đến sự phát triển toàn diện của người học.

PLO4.3. Năng lực phát triển nghề nghiệp

- Đánh giá và có kế hoạch phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của bản thân.

- Cập nhật kịp thời yêu cầu đổi mới về kiến thức chuyên môn và nghiệp vụ nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

PLO4.4. Năng lực hoạt động xã hội

- Tham gia và vận động được người khác tham gia tích cực các hoạt động xã hội.

- Tổ chức được các hoạt động xã hội trong trường học và cộng đồng.

II. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Giảng dạy môn Khoa học tự nhiên tại các trường Trung học cơ sở.

- Tham gia nghiên cứu tại các trung tâm nghiên cứu khoa học thuộc các lĩnh vực liên quan đến khoa học tự nhiên.

III. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Người tốt nghiệp có thể học tập nâng cao trình độ ở bậc Thạc sỹ các chuyên ngành liên quan đến Khoa học tự nhiên.

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHUẨN ĐẦU RA

Ngành đào tạo: **Giáo dục Pháp luật**
(*Legal Education*)
Mã ngành: 7140248
Trình độ đào tạo: Đại học
Loại hình đào tạo: Chính quy

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3451 /QĐ-ĐHSP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế)

I. Chuẩn đầu ra về phẩm chất và năng lực

1. Phẩm chất nghề nghiệp

PLO1.1. Phẩm chất chính trị và trách nhiệm công dân

- Chấp hành tốt các chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách pháp luật của Nhà nước; các quy định của ngành giáo dục; các nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo.
- Tham gia tích cực, có hiệu quả các hoạt động chính trị xã hội tại cơ sở giáo dục và nơi cư trú.
- Vận động và cổ vũ lối sống lành mạnh; phê phán hành vi vi phạm đạo đức, vi phạm pháp luật.

PLO1.2. Đạo đức và phong cách nhà giáo

- Nhận thức đầy đủ và có hàng động đúng với những chuẩn mực đạo đức và tác phong nhà giáo.
- Đánh giá được những biểu hiện phù hợp/không phù hợp với đạo đức và tác phong của nhà giáo.
- Nỗ lực tự học, trau dồi kiến thức, kỹ năng và đạo đức nghề nghiệp.

2. Năng lực chung

PLO2.1. Năng lực tự học và thích ứng với sự thay đổi

- Thiết kế được kế hoạch tự học và thực hành được các kỹ năng tự học cần thiết để hoàn thiện bản thân.
- Phân tích được kinh nghiệm và sự hiểu biết của bản thân để thích ứng được với sự thay đổi trong hoạt động nghề nghiệp.
- Thể hiện được những cách thức làm việc đa dạng với những đối tượng người học khác nhau; xây dựng cộng đồng học tập.

PLO2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác

- Sử dụng thuần thục, hiệu quả tiếng Việt trong giao tiếp và hợp tác.
- Vận dụng được các phương pháp và kỹ thuật phù hợp trong giao tiếp và hợp tác.
- Đánh giá được hiệu quả hợp tác trong giải quyết các nhiệm vụ.

PLO2.3. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Phát hiện và giải quyết được các vấn đề trong học tập và cuộc sống.
- Đánh giá được cách thức giải quyết hiệu quả các vấn đề nảy sinh trong bối cảnh mới.
- Đưa ra được cách thức giải quyết mới, phù hợp với bối cảnh thực tiễn.

PLO2.4. Năng lực tư duy phản biện

- Nhận diện và phân tích được tính lôgic của một vấn đề.
- Đưa ra được lập luận và bằng chứng thuyết phục để bảo về ý kiến/quan điểm của mình trong thảo luận/tranh luận.
- Thống nhất được các cách lý giải khác nhau thành một kết luận có tính thuyết phục.

PLO2.5. Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong hoạt động nghề nghiệp

- Tuân thủ các quy định của pháp luật, các quy tắc về đạo đức, xã hội trong việc sử dụng CNTT và truyền thông.
- Đạt chuẩn công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Bộ GD&ĐT và Bộ CNTT. Sử dụng hiệu quả CNTT và truyền thông trong dạy học và nghiên cứu.
- Đạt chứng chỉ B1 (hoặc tương đương) về trình độ ngoại ngữ. Sử dụng được ngoại ngữ trong giao tiếp và học tập chuyên ngành.

PLO2.6. Năng lực khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác

- Thể hiện được hiểu biết của bản thân về lĩnh vực khởi nghiệp.
- Phân tích được thị trường lao động, đặc biệt là trong lĩnh vực giáo dục.
- Hình thành ý tưởng khởi nghiệp, dự đoán được những thuận lợi và khó khăn khi tiến hành khởi nghiệp.

3. Năng lực chuyên môn

PLO3.1. Năng lực đặc thù của khoa học chuyên ngành

- Hiểu biết được những kiến thức khoa học thuộc chuyên ngành Giáo dục Kinh tế và pháp luật.
- Liên hệ được kiến thức chuyên ngành Giáo dục Kinh tế và pháp luật.với kiến thức môn học ở phổ thông.
- Vận dụng được kiến thức khoa học chuyên ngành trong giảng dạy và nghiên cứu.

PLO3.2. Năng lực phát triển chương trình môn học

- Hiểu rõ và thực hiện được phát triển chương trình môn học.
- Thiết kế được kế hoạch phát triển chương trình môn học.
- Đánh giá được những ưu và hạn chế của chương trình môn học và đề xuất được giải pháp.

PLO3.3. Năng lực vận dụng tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học chuyên ngành

- Vận dụng được những tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học chuyên ngành trong mối liên hệ với thực tiễn giáo dục phổ thông.
- Phân tích được những tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học chuyên ngành trong mối liên hệ với thực tiễn giáo dục phổ thông.

- Đánh giá được những tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học chuyên ngành trong mối liên hệ với thực tiễn giáo dục phổ thông.

PLO3.4. Năng lực nghiên cứu khoa học giáo dục chuyên ngành

- Phát hiện vấn đề nghiên cứu khoa học giáo dục chuyên ngành.

- Triển khai được vấn đề nghiên cứu khoa học giáo dục chuyên ngành.

- Đánh giá được vấn đề nghiên cứu khoa học giáo dục chuyên ngành và vận dụng được trong học tập.

4. Năng lực nghề nghiệp

PLO4.1. Năng lực dạy học và giáo dục

- Vận dụng được kiến thức khoa học chuyên ngành, lí luận dạy học và phương pháp dạy học và tài liệu giáo khoa vào việc xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.

- Vận dụng được các hình thức, phương pháp, công cụ kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.

- Xây dựng được môi trường giáo dục tích cực nhằm tạo động lực học tập, rèn luyện cho người học.

PLO4.2. Năng lực định hướng sự phát triển của người học

- Tiếp cận và hiểu được người học.

- Đánh giá được xu hướng phát triển của người học.

- Xây dựng được kế hoạch bồi dưỡng, tư vấn, hỗ trợ hướng đến sự phát triển toàn diện của người học.

PLO4.3. Năng lực phát triển nghề nghiệp

- Đánh giá và có kế hoạch phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của bản thân.

- Cập nhật kịp thời yêu cầu đổi mới về kiến thức chuyên môn và nghiệp vụ nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

PLO4.4. Năng lực hoạt động xã hội

- Tham gia và vận động được người khác tham gia tích cực các hoạt động xã hội.

- Tổ chức được các hoạt động xã hội trong trường học và cộng đồng.

II. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Làm giáo viên dạy môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật ở trường THPT, môn Giáo dục Chính trị trong các trường trung cấp chuyên nghiệp;

- Làm giáo viên tổ chức, hướng dẫn các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, làm công tác chủ nhiệm lớp và các công tác khác ở trường phổ thông do Nhà trường giao;

- Làm chuyên viên ở các viện, trung tâm nghiên cứu và các cơ quan đảng, chính quyền, các đoàn thể hoặc tổ chức chính trị -xã hội.

III. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Tiếp tục học và nghiên cứu chuyên môn ở trình độ thạc sĩ, tiến sĩ đối với các môn khoa học Lý luận chính trị, Lý luận và phương pháp dạy học Giáo dục Chính trị, Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Giáo dục Công dân; Giáo dục học (Giáo dục Chính trị).

- Học đại học ngành thứ hai trong lĩnh vực khoa học xã hội: Sư phạm Giáo dục Chính trị; Giáo dục công dân.

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHUẨN ĐẦU RA

Ngành đào tạo: **Sư phạm Lịch sử - Địa lý**
(*History-Geography Teacher Education*)
Mã ngành: 7140249
Trình độ đào tạo: Đại học
Loại hình đào tạo: Chính quy

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3451/QĐ-ĐHSP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế)

I. Chuẩn đầu ra về phẩm chất và năng lực

1. Phẩm chất nghề nghiệp

PLO1.1. Phẩm chất chính trị và trách nhiệm công dân

- Chấp hành tốt các chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách pháp luật của Nhà nước; các quy định của ngành Giáo dục; các nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo.
- Tham gia tích cực, có hiệu quả các hoạt động chính trị xã hội tại cơ sở giáo dục và nơi cư trú.
- Vận động và cổ vũ lối sống lành mạnh; phê phán hành vi vi phạm đạo đức, vi phạm pháp luật.

PLO1.2. Đạo đức và phong cách nhà giáo

- Nhận thức đầy đủ và có hàng động đúng với những chuẩn mực đạo đức và tác phong nhà giáo.
- Đánh giá được những biểu hiện phù hợp/không phù hợp với đạo đức và tác phong của nhà giáo.
- Nỗ lực tự học, trau dồi kiến thức, kỹ năng và đạo đức nghề nghiệp.

2. Năng lực chung

PLO2.1. Năng lực tự học và thích ứng với sự thay đổi

- Thiết kế được kế hoạch tự học và thực hành được các kỹ năng tự học cần thiết để hoàn thiện bản thân.
- Phân tích được kinh nghiệm và sự hiểu biết của bản thân để thích ứng được với sự thay đổi trong hoạt động nghề nghiệp.
- Thể hiện được những cách thức làm việc đa dạng với những đối tượng người học khác nhau; xây dựng cộng đồng học tập.

PLO2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác

- Sử dụng thuần thục, hiệu quả tiếng Việt trong giao tiếp và hợp tác.
- Vận dụng được các phương pháp và kỹ thuật phù hợp trong giao tiếp và hợp tác.
- Đánh giá được hiệu quả hợp tác trong giải quyết các nhiệm vụ.

PLO2.3. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Phát hiện và giải quyết được các vấn đề trong học tập và cuộc sống.

- Đánh giá được cách thức giải quyết hiệu quả các vấn đề nảy sinh trong bối cảnh mới.

- Đưa ra được cách thức giải quyết mới, phù hợp với bối cảnh thực tiễn.

PLO2.4. Năng lực tư duy phản biện

- Nhận diện và phân tích được tính lôgic của một vấn đề.

- Đưa ra được lập luận và bằng chứng thuyết phục để bảo về ý kiến/quan điểm của mình trong thảo luận/tranh luận.

- Đưa ra được lập luận và bằng chứng thuyết phục để bảo về ý kiến/quan điểm của mình trong thảo luận/tranh luận.

PLO2.5. Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong hoạt động nghề nghiệp

- Tuân thủ các quy định của pháp luật, các quy tắc về đạo đức, xã hội trong việc sử dụng CNTT và truyền thông.

- Đạt chuẩn công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Bộ GD&ĐT và Bộ CNTT. Sử dụng hiệu quả CNTT và truyền thông trong dạy học và nghiên cứu.

- Đạt chứng chỉ B1 (hoặc tương đương) về trình độ ngoại ngữ. Sử dụng được ngoại ngữ trong giao tiếp và học tập chuyên ngành.

PLO2.6. Năng lực khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác

- Thể hiện được hiểu biết của bản thân về lĩnh vực khởi nghiệp.

- Phân tích được thị trường lao động, đặc biệt là trong lĩnh vực giáo dục.

- Hình thành ý tưởng khởi nghiệp, dự đoán được những thuận lợi và khó khăn khi tiến hành khởi nghiệp.

3. Năng lực chuyên môn

PLO3.1. Năng lực đặc thù của khoa học chuyên ngành

- Trình bày được những kiến thức cơ bản thuộc khoa học lịch sử, địa lý và khoa học giáo dục lịch sử, địa lý.

- Vận dụngđược kiến thức khoa học chuyên ngành trong giảng dạy và nghiên cứu lịch sử, địa lý.

- Phân tích, đánh giá được các sự kiện, hiện tượng lịch sử và rút ra được các bài học/ kinh nghiệm để vận dụng vào thực tiễn cuộc sống.

- Tìm kiếm đượcthông tin từ các nguồn tin cậy để cập nhật tri thức, số liệu,... về các địa phương, quốc gia, về xu hướng phát triển trên thế giới và trong nước; biết liên hệ thực tế để hiểu sâu sắc hơn kiến thức địa lí.

PLO3.2. Năng lực phát triển chương trình môn học

- Trình bày rõ cấu trúc và mục tiêu của chương trình môn Lịch sử - Địa lý THCS.

- Thiết kế được kế hoạch phát triển chương trình môn Lịch sử - Địa lý THCS theo hướng hiện đại, đáp ứng yêu cầu cập nhật chương trình lịch sử phổ thông.

- Đánh giá được những ưu điểm, hạn chế của chương trình môn học và đề xuất được giải pháp để phát triển chương trình đào tạo tiên tiến.

PLO3.3. Năng lực vận dụng tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học chuyên ngành

- Vận dụng được những tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học lịch sử, địa lý; khoa học giáo dục trong mối liên hệ với dạy học ở phổ thông và thực tiễn hoạt động nghề nghiệp.

- Phân tích được những tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học lịch sử, địa lý trong đánh giá chất lượng dạy học của bản thân và đồng nghiệp.

- Đánh giá, lựa chọn và kết hợp được những tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học lịch sử, địa lý trong việc biên soạn tài liệu dạy - học, thực hiện kế hoạch dạy học và phát triển chương trình môn lịch sử theo yêu cầu của xã hội.

PLO3.4. Năng lực nghiên cứu khoa học giáo dục chuyên ngành

- Phát hiện và đề xuất đượcvấn đề nghiên cứu thuộc khoa học lịch sử, địa lý với nhiều cấp độ, mục tiêu nghiên cứu khác nhau.

- Vận dụng hiệu quả các phương pháp nghiên cứu phù hợp để hoàn thành được vấn đề nghiên cứu/ đề tài nghiên cứu.

- Đánh giá được vấn đề nghiên cứu khoa học giáo dục lịch sử và vận dụng được trong học tập, tự bồi dưỡng.

4. Năng lực nghề nghiệp

PLO4.1. Năng lực dạy học và giáo dục

- Vận dụng được kiến thức khoa học chuyên ngành, lí luận dạy học và phương pháp dạy học và tài liệu giáo khoa vào việc xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.

- Vận dụng được các hình thức, phương pháp, công cụ kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.

- Xây dựng được môi trường giáo dục tích cực nhằm tạo động lực học tập, rèn luyện cho người học.

PLO4.2. Năng lực định hướng sự phát triển của người học

- Tiếp cận và hiểu được người học.

- Đánh giáđược xu hướng phát triển của người học.

- Xây dựng được kế hoạch bồi dưỡng, tư vấn, hỗ trợ hướng đến sự phát triển toàn diện của người học.

PLO4.3. Năng lực phát triển nghề nghiệp

- Đánh giá và có kế hoạch phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của bản thân.

- Cập nhật kịp thời yêu cầu đổi mới về kiến thức chuyên môn và nghiệp vụ nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

PLO4.4. Năng lực hoạt động xã hội

- Tham gia và vận động được người khác tham gia tích cực các hoạt động xã hội.

- Tổ chức được các hoạt động xã hội trong trường học và cộng đồng.

II. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, các cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử - Địa lý có khả năng:

- Làm giáo viên dạy môn Lịch sử và Địa lý tại các trường Trung học cơ sở.

- Có thể làm chuyên viên nghiên cứu tại các trung tâm, viện nghiên cứu về lịch sử, văn hóa, quy hoạch lãnh thổ, quản lý tài nguyên môi trường, các dự án dân số, phát triển

nông thôn, đô thị hóa…

- Làm việc tại các cơ quan, ban ngành, đoàn thể, tổ chức có liên quan đến lịch sử, địa lý, văn hóa thông tin, xã hội, giáo dục, chính trị, quân sự, du lịch...

III. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Tiếp tục học và nghiên cứu chuyên môn ở trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam, Lịch sử thế giới, Lý luận và Phương pháp dạy học môn Lịch sử, Địa lý kinh tế xã hội, Địa lý tự nhiên, Lý luận và Phương pháp dạy học môn Địa lý.

- Học đại học ngành thứ hai ngành Sư phạm Lịch sử, Sư phạm Địa lý…

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHUẨN ĐẦU RA

Ngành đào tạo: **Tâm lý học giáo dục**
(*Educational Psychology*)
Mã ngành: 7310403
Trình độ đào tạo: Đại học
Loại hình đào tạo: Chính quy

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3471/QĐ-ĐHSP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế)

I. Chuẩn đầu ra về phẩm chất và năng lực

1. Phẩm chất nghề nghiệp

PLO1.1. Phẩm chất chính trị và trách nhiệm công dân

- Chấp hành tốt các chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách pháp luật của Nhà nước; các quy định của ngành Giáo dục; các nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo.

- Tham gia tích cực, có hiệu quả các hoạt động chính trị xã hội tại cơ sở giáo dục và nơi cư trú.

- Vận động và cổ vũ lối sống lành mạnh; phê phán hành vi vi phạm đạo đức, vi phạm pháp luật.

PLO1.2. Đạo đức và phong cách nhà giáo

- Nhận thức đầy đủ và có hành động đúng các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp

- Thể hiện sự tận tụy, nhiệt huyết với công việc chuyên môn, tôn trọng, yêu thương, quan tâm con người.

- Nỗ lực tự học, trau dồi kiến thức, kỹ năng và đạo đức nghề nghiệp.

2. Năng lực chung

PLO2.1. Năng lực tự học và thích ứng với sự thay đổi

- Nhận thức đầy đủ và có hành động đúng các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp

- Thể hiện sự tận tụy, nhiệt huyết với công việc chuyên môn, tôn trọng, yêu thương, quan tâm con người.

- Nỗ lực tự học, trau dồi kiến thức, kỹ năng và đạo đức nghề nghiệp.

- Thiết kế được kế hoạch tự học và thực hành được các kỹ năng tự học cần thiết để hoàn thiện bản thân.

- Phân tích được kinh nghiệm và sự hiểu biết của bản thân để thích ứng được với sự thay đổi trong hoạt động nghề nghiệp.

- Thể hiện được những cách thức làm việc đa dạng với những đối tượng người học khác nhau; xây dựng cộng đồng học tập.

PLO2.2. Năng lực giao tiếp và hợp tác

- Sử dụng thuần thục, hiệu quả tiếng Việt trong giao tiếp và hợp tác.

- Vận dụng được các phương pháp và kỹ thuật phù hợp trong giao tiếp và hợp tác.

- Đánh giá được hiệu quả hợp tác trong giải quyết các nhiệm vụ.

PLO2.3. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Phát hiện và giải quyết được các vấn đề trong học tập và cuộc sống.

- Đánh giá được cách thức giải quyết hiệu quả các vấn đề nảy sinh trong bối cảnh mới.

- Đưa ra được cách thức giải quyết mới, phù hợp với bối cảnh thực tiễn.

PLO2.4. Năng lực tư duy phản biện

- Nhận diện và phân tích được tính lôgic của một vấn đề.

- Đưa ra được lập luận và bằng chứng thuyết phục để bảo về ý kiến/quan điểm của mình trong thảo luận/tranh luận.

- Thống nhất được các cách lý giải khác nhau thành một kết luận có tính thuyết phục.

PLO2.5. Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong hoạt động nghề nghiệp

- Tuân thủ các quy định của pháp luật, các quy tắc về đạo đức, xã hội trong việc sử dụng CNTT và truyền thông.

- Đạt chuẩn công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Bộ GD&ĐT và Bộ CNTT. Sử dụng hiệu quả CNTT và truyền thông trong hoạt động nghề nghiệp

- Đạt chứng chỉ B1 (hoặc tương đương) về trình độ ngoại ngữ. Sử dụng được ngoại ngữ trong giao tiếp và học tập chuyên ngành.

PLO2.6. Năng lực khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác

- Thể hiện được hiểu biết của bản thân về lĩnh vực khởi nghiệp.

- Phân tích được thị trường lao động, đặc biệt là trong lĩnh vực chuyên ngành.

- Hình thành ý tưởng khởi nghiệp, dự đoán được những thuận lợi và khó khăn khi tiến hành khởi nghiệp.

3. Năng lực nghề nghiệp

PLO3.1. Năng lực tư vấn, tham vấn tâm lý

- Chẩn đoán, đánh giá được các đặc điểm tâm lý của đối tượng cần tư vấn, tham vấn

- Tư vấn và tham vấn được cho các nhà quản lý giáo dục, các thầy cô giáo, phụ huynh học sinh và xã hội về các vấn đề liên quan đến trẻ em và thanh thiếu niên.

- Xây dựng và thực hiện được chương trình phòng ngừa, sàng lọc, can thiệp các vấn đề tâm lý và học tập cho trẻ em và thanh thiếu niên và các đối tượng khác có nhu cầu.

PLO3.2. Năng lực hỗ trợ, can thiệp người khuyết tật

- Đánh giá, phân loại được các nguyên nhân và yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển của người khuyết tật.

- Xây dựng được kế hoạch hỗ trợ và can thiệp cá nhân hoặc nhóm cho người khuyết tật và gia đình;

- Triển khai được theo dõi và có giải pháp hỗ trợ người khuyết tật và gia đình người khuyết tật thực hiện những kế hoạch can thiệp

PLO3.3. Năng lực nghiên cứu khoa học tâm lý và giáo dục

- Phát hiện vấn đề nghiên cứu khoa học tâm lý và giáo dục

- Triển khai được vấn đề nghiên cứu khoa học tâm lý và giáo dục

- Đánh giá được vấn đề nghiên cứu khoa học tâm lý và giáo dục và vận dụng được trong học tập.

PLO3.4. Năng lực dạy học và giáo dục

- Vận dụng được kiến thức khoa học chuyên ngành, lí luận dạy học và phương pháp dạy học và tài liệu giáo khoa vào việc xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.

- Vận dụng được các hình thức, phương pháp, công cụ kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.

- Xây dựng được môi trường giáo dục tích cực nhằm tạo động lực học tập, rèn luyện cho người học.

PLO3.5. Năng lực phát triển nghề nghiệp

- Đánh giá và có kế hoạch phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của bản thân.

- Cập nhật kịp thời yêu cầu đổi mới về kiến thức chuyên môn và nghiệp vụ nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới của nghề nghiệp.

PLO3.6. Năng lực hoạt động xã hội

- Tham gia và vận động được người khác tham gia tích cực các hoạt động xã hội.

- Tổ chức được các hoạt động xã hội trong trường học và cộng đồng.

II. Vị trí việc làm sau tốt nghiệp

1. Chuyên viên tư vấn, tham vấn tâm lý tại các trường học, trung tâm tham vấn tâm lý và chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

2. Chuyên viên hỗ trợ, giúp đỡ trẻ khuyết tật ở các cơ sở giáo dục trẻ khuyết tật.

3. Giảng dạy môn Tâm lý học, Giáo dục học ở các cơ sở giáo dục.

4. Nghiên cứu về tâm lý học, giáo dục học ở các viện nghiên cứu, các trung tâm nghiên cứu.

III. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Có khả năng tiếp tục tự học, tự nâng cao trình độ chuyên ngành sau khi tốt nghiệp.